

LỜI MỞ ĐẦU

Cùng với sự phát triển của các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, hiện nay Việt Nam được đánh giá là một đất nước có nền kinh tế phát triển mạnh, là nơi thu hút rất nhiều vốn đầu tư trong và ngoài nước.

Trong những năm vừa qua, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Nhà nước, nền kinh tế nước ta có những bước chuyển biến lớn và đã đạt được một số thành tựu đáng kể như : Nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định, cơ cấu kinh tế đang từng bước được chuyển dịch, tình trạng lạm phát được ngăn chặn và đẩy lùi, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện đáng kể

Tuy nhiên, trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế vừa có yếu tố hợp tác chặt chẽ vừa có yếu tố cạnh tranh quyết liệt ấy, các nhà kinh doanh phải năng động và sáng tạo hơn, sáng suốt với những phương án kinh doanh phù hợp để sử dụng đồng vốn một cách hiệu quả nhất, tạo khả năng chiếm lĩnh thị trường làm cho DN ngày càng phát triển đi lên vững mạnh. Bởi vậy, các doanh nghiệp phải luôn quan tâm đến tính hiệu quả trong hoạt động kinh tế, chú trọng đến lượng chi phí bỏ ra, doanh thu đạt được và kết quả kinh doanh trong kỳ. Do đó, hạch toán kế toán nói chung và hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là vấn đề không thể thiếu trong mỗi doanh nghiệp.

Xuất phát từ lý luận và thực tiễn đặt ra cho công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, sau khi đi sâu và tìm hiểu về công tác này tại Chi nhánh công ty Cổ Phần Thương Mại Đầu Tư và Xây Dựng Hải Phòng, được sự giúp đỡ chỉ bảo của giáo viên hướng dẫn Cô Trần Thị Thanh Thảo em đã chọn nghiên cứu đề tài: “ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty Cổ Phần Thương Mại Đầu Tư và Xây Dựng Hải Phòng”

Nội dung của khóa luận ngoài lời mở đầu và kết luận được kết cấu làm ba chương:

Chương 1: Những lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh Nghiệp Thương Mại.

Chương 2: Thực tế tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty Cổ Phần Thương Mại Đầu Tư và Xây Dựng Hải Phòng

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty Cổ Phần Thương Mại Đầu Tư và Xây Dựng Hải Phòng

Kết hợp kiến thức thu thập được trong quá trình học tập nghiên cứu tại trường, cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của tập thể ban lãnh đạo, phòng tài chính kế toán ở đơn vị thực tập, đặc biệt có sự hướng dẫn tận tình của cô giáo - Thạc sỹ Trần Thị Thanh Thảo em đã hoàn thành bài khóa luận này.

Tuy nhiên do thời gian tiếp cận thực tế, khả năng nghiên cứu, nhận thức tổng quan còn hạn chế nên bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những sai sót.

Em mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày tháng năm 2010

Sinh viên

Nguyễn Thị Ánh Ngọc

CHƯƠNG I:

NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

1.1. Lý luận chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có một vai trò vô cùng quan trọng không chỉ đối với mỗi doanh nghiệp mà còn đối với các đối tượng khác như là các nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

- Đối với mỗi doanh nghiệp: Công tác này giúp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Đối với các nhà đầu tư: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Để từ đó đưa ra các quyết định có nên đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

- Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính nhằm đưa ra các quyết định có nên cho vay hay không đối với doanh nghiệp đó.

- Đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Nó giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.1.2. Một số khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.2.1. Doanh thu

- **Doanh thu** : là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**: là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**: Là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm giá hàng bán, doanh thu của số hàng bán bị trả lại, chiết khấu thương mại và số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu hay thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- **Doanh thu tiêu thụ nội bộ**: là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- **Doanh thu hoạt động tài chính**: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính như : tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán, lãi tỷ giá hối đoái, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, lãi chuyển nhượng vốn...

- **Thu nhập khác**: là các khoản thu nhập, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, như: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, các khoản thuế được NSNN hoàn lại, thu nhập từ quà biếu tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp...

1.1.2.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

➤ **Chiết khấu thương mại** : là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng hóa ,dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

➤ **Giảm giá hàng bán** : là khoản doanh nghiệp giảm trừ cho người mua trên giá bán đã thỏa thuận do hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán chỉ được tính là khoản giảm trừ doanh thu nếu phát sinh sau khi phát hành hóa đơn .

➤ **Hàng bán bị trả lại** : số hàng hoá đã xác định là tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân thuộc về doanh nghiệp như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại.

➤ Ngoài ra còn có một số khoản thuế làm giảm trừ doanh thu là : Thuế tiêu thụ đặc biệt, Thuế xuất khẩu, Thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp.

Trong đó:

- + Thuế TTĐB : là loại thuế đánh trên hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB tại một khâu duy nhất là khâu sản xuất hoặc nhập khẩu, đây là loại thuế gián thu được cấu thành trong giá bán sản phẩm.
- + Thuế xuất khẩu : là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu loại hàng hoá phải chịu thuế xuất khẩu.
- + Thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp : là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

1.1.2.3. Chi phí

➤ **Giá vốn hàng bán** : phản ánh giá trị gốc của hàng hoá, dịch vụ đã thực sự tiêu thụ trong kỳ. Ý nghĩa của giá vốn hàng bán chỉ được sử dụng khi xuất kho hàng bán và tiêu thụ.

➤ **Chi phí bán hàng** : là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ hàng hóa và cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, quảng cáo, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành hàng hoá, chi phí đóng gói...

➤ **Chi phí quản lý doanh nghiệp** : là những khoản chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp, như chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

➤ **Chi phí tài chính**: là các khoản chi phí liên quan đến hoạt động tài chính trong kỳ của doanh nghiệp, như: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, chi phí lãi vay, khoản lỗ tỷ giá hối đoái...

➤ **Chi phí khác:** là các khoản chi phí (lỗ) do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp, như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ (nếu có); tiền phạt do vi phạm hợp đồng; bị phạt thuế, truy nộp thuế....

➤ **Chi phí thuế TNDN:** bao gồm chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Trong đó:

+ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành** là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

+ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại** là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ nộp trong tương lai phát sinh từ:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

1.1.2.4. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong doanh nghiệp trong một thời gian xác định, bao gồm : kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

➤ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:** là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

➤ **Kết quả hoạt động tài chính:** là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

➤ **Kết quả hoạt động khác:** là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

1.1.3. Thời điểm ghi nhận, nguyên tắc hạch toán doanh thu

1.1.3.1. Thời điểm, điều kiện ghi nhận doanh thu:

Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chuẩn mực số 14-“ Doanh thu và thu nhập khác”, ban hành và công bố theo quyết định số 149/ QĐ- BTC và các chuẩn mực kế toán khác có liên quan:

✚ Doanh thu bán hàng hoá chỉ được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 5 điều kiện:

1. Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá cho người mua;
2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
4. Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
5. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

✚ Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn đồng thời 4 điều kiện sau:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.1.3.2. Một số nguyên tắc hạch toán Doanh thu trong DN Thương Mại:

- Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và phải theo năm tài chính.

- Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu tiêu thụ (bán hàng và cung cấp dịch vụ) là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu tiêu thụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) hoặc thuế xuất nhập khẩu thì doanh thu tiêu thụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu).

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương pháp bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu tiêu thụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương pháp trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi được tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Những hàng hóa được xác định là tiêu thụ nhưng vì lý do về phẩm chất, quy cách kỹ thuật,... người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại cho người bán hoặc yêu cầu giảm giá và được doanh nghiệp chấp nhận; hoặc người mua mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng này được theo dõi riêng trên các TK 531- “Hàng bán bị trả lại”, hoặc TK 532- “Giảm giá hàng bán”, TK 521- “Chiết khấu thương mại”, cuối kỳ kết chuyển vào TK 511 để tính doanh thu thuần.

➤ Trường hợp trong kỳ doanh nghiệp đã viết hóa đơn bán hàng và đã thu tiền bán hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua thì trị giá số hàng này vẫn không được coi là tiêu thụ và không được ghi vào TK511- “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” mà chỉ hạch toán vào bên Có TK131- “Phải thu của khách hàng” về khoản tiền đã thu của khách hàng. Khi thực giao hàng cho người mua sẽ hạch toán vào TK511 về trị giá hàng đã giao; đã thu trước tiền bán hàng, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

➤ Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

➤ Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá. Doanh thu trợ cấp, trợ giá được phản ánh vào TK511.4- “Doanh thu trợ cấp trợ giá”.

*** Một số trường hợp không phản ánh vào TK 511- doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

- Trị giá hàng hoá xuất giao cho bên ngoài gia công chế biến.
- Trị giá hàng hoá, dịch vụ cung cấp giữa công ty, Tổng công ty với các đơn vị hạch toán phụ thuộc.
- Trị giá hàng hoá đang gửi bán; dịch vụ hoàn thành đã cung cấp cho khách hàng nhưng chưa được người mua chấp nhận thanh toán.
- Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán đại lý, ký gửi (Chưa được xác định là đã bán).
- Doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định K/quả kinh doanh:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh, hiện có và tình hình biến động của từng loại hàng hóa theo tiêu chuẩn số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi, đơn đốc các khoản phải thu khách hàng.
- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả kinh doanh đúng đắn, hợp lý.
- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

1.2.1.1. Một số phương thức bán hàng :

◆ Phương thức bán hàng trực tiếp:

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy bán hàng của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hoá đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức xác định là tiêu thụ.

◆ Phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận:

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Chỉ khi nào người mua chấp nhận thanh toán 1 phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu.

◆ Phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng:

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

◆ Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua, số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì hàng được coi là tiêu thụ (về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua trả hết tiền).

1.2.1.2. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hoá đơn giá trị gia tăng hoặc hoá đơn bán hàng;
- Phiếu xuất kho;
- Chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan...

1.2.1.3. Tài khoản sử dụng:

◆ Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- + TK 5111 - Doanh thu bán hàng hoá
- + TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động SXKD từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng, cung cấp dịch vụ mà doanh nghiệp đã thực hiện.

☞ Kết cấu và nội dung phản ánh chính của TK 511

Nợ	TK 511	Có
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán; - Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Chiết khấu thương mại, khoản giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ; - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 để xác định KQKD.		Doanh thu bán hàng hoá, và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có
TK 511 không có số dư cuối kỳ		

◆ **Tài khoản 512- Doanh thu bán hàng nội bộ**

- + TK 5121 - Doanh thu bán hàng hoá
- + TK 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tài khoản này chỉ sử dụng cho các đơn vị có bán hàng nội bộ giữa các đơn vị trong một công ty hay một Tổng công ty, nhằm phản ánh số doanh thu bán hàng nội bộ trong một kỳ kế toán của khối lượng hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp.

☞ Kết cấu và nội dung phản ánh chính của TK 512

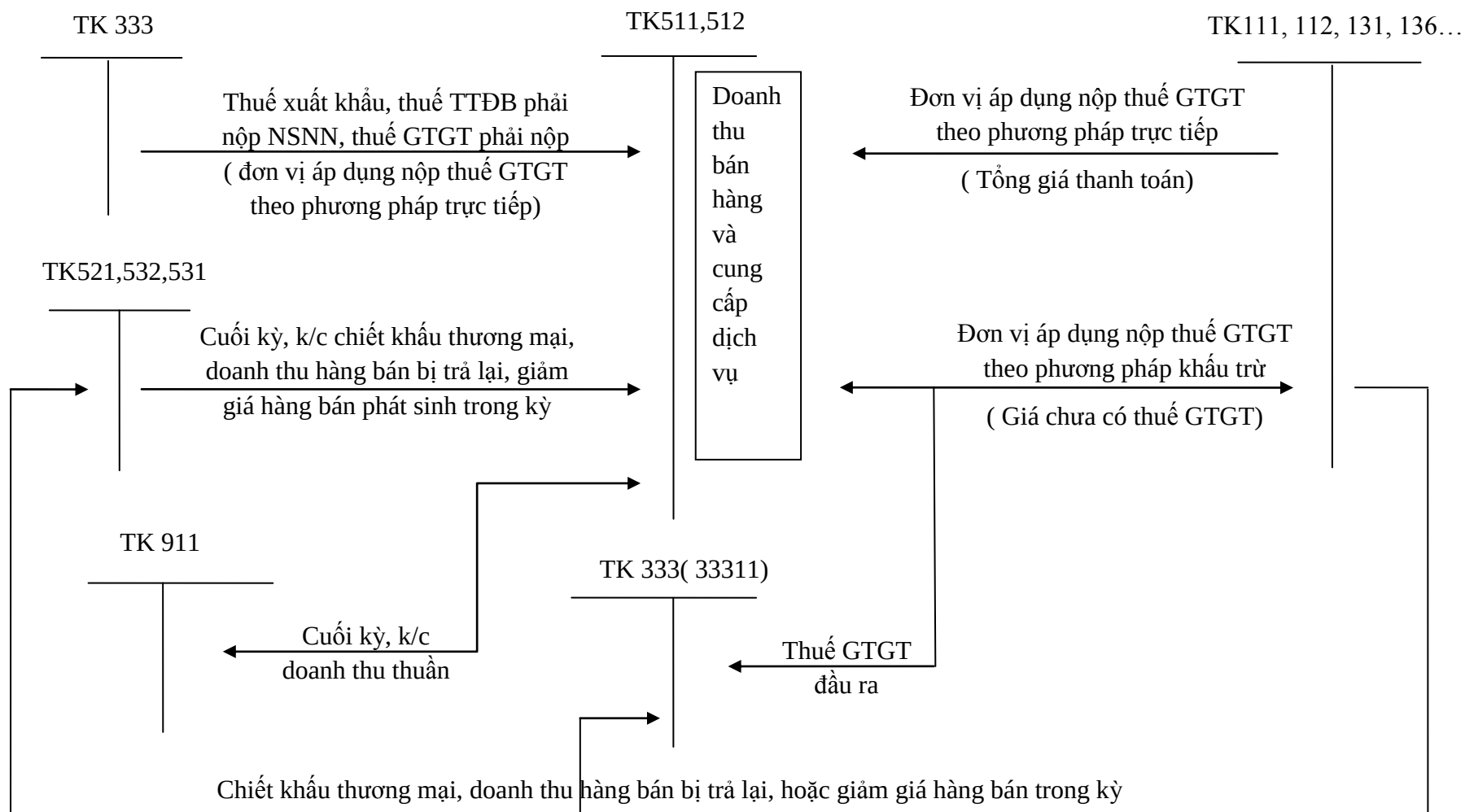
Nợ	TK 512	Có
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ; - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ; - Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán; - Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911 để xác định KQKD.		Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 512 không có số dư cuối kỳ

◆ Các tài khoản khác có liên quan

1.2.1.4. Trình tự hạch toán:

Sơ đồ 1.2.1.4: KẾ TOÁN TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ



(Nguồn: Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 2) ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC)

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu nhập kho
- Chứng từ thanh toán như phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- ...

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng:

♦ Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại (CKTM)

Tài khoản này chỉ phản ánh khoản CKTM người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ theo đúng chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp đã quy định.

Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng CKTM, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã trừ CKTM thì doanh nghiệp không còn sử dụng TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ CKTM.

Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “ Hoá đơn GTGT”, hoặc “ Hoá đơn bán hàng” lần cuối cùng. Khi doanh nghiệp phải chi tiền trả về khoản chiết khấu thương mại cho người mua thì số tiền đó được hạch toán vào TK 521.

☞ Kết cấu và nội dung phản ánh TK 521:

Nợ	TK 521	Có
Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.		Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 để xác định doanh thu.
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 521 không có số dư cuối kỳ

◆ **Tài khoản 531 - Hàng bán bị trả lại**

Tài khoản này chỉ phản ánh giá trị của số hàng đã bán bị trả lại và được tính đúng theo đơn giá bán ghi trên hoá đơn bán trước đây. Các chi phí khác phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào TK 641- Chi phí bán hàng.

☞ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 531

Nợ	TK 531	Có
Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số hàng hoá đã bán.		Cuối kỳ, kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ TK 511, hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ. báo cáo.
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 531 không có số dư cuối kỳ

◆ **Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ. Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hoá đơn (Giảm giá ngoài hoá đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất...

☞ Kết cấu và nội dung phản ánh TK 532:

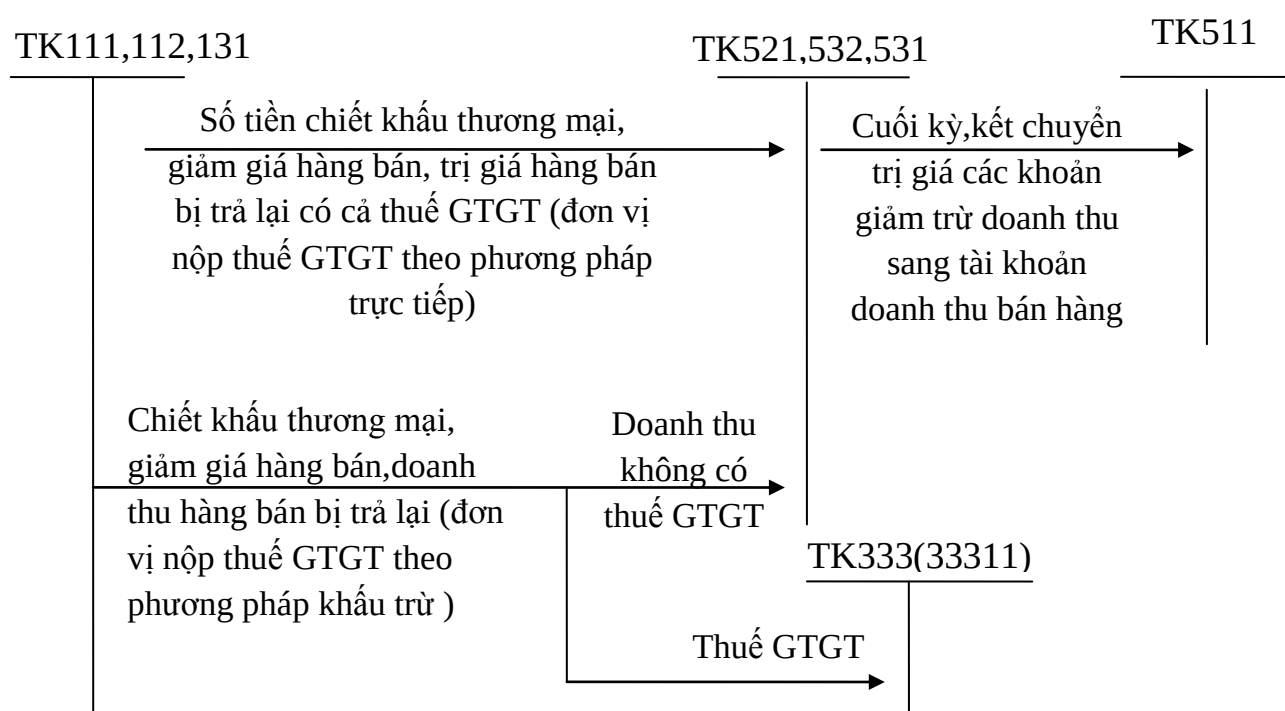
Nợ	TK 532	Có
Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy định trong hợp đồng kinh tế.		Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán vào bên Nợ TK 511, hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 532 không có số dư cuối kỳ

- ◆ Tài khoản 3331- Thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp.
- ◆ Tài khoản 3332- Thuế tiêu thụ đặc biệt.
- ◆ Tài khoản 3333- Thuế xuất khẩu.
- ◆ Các tài khoản khác có liên quan như TK 111, 112, 331,...

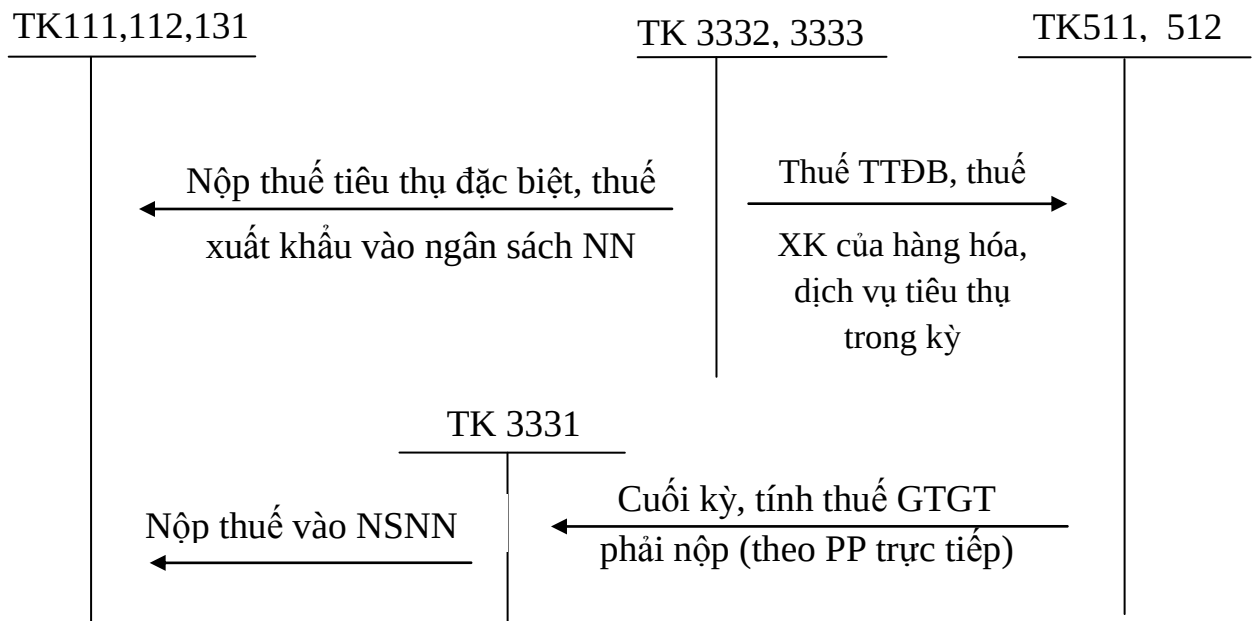
1.2.2.3. *Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.*

Sơ đồ 1.2.2.3.1: TRÌNH TỰ KẾ TOÁN CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI, GIẢM GIÁ HÀNG BÁN, HÀNG BÁN BỊ TRẢ LẠI



(Nguồn: Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 2 ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính)

Sơ đồ 1.2.2.3.2: TRÌNH TỰ KẾ TOÁN THUẾ GTGT NỘP THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP, THUẾ TTĐB, THUẾ XUẤT KHẨU



(Nguồn: Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 2 ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính)

1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.3.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán:

Tuỳ theo đặc điểm hoạt động của từng doanh nghiệp, tuỳ thuộc vào yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của kế toán, thì trị giá vốn của hàng hoá xuất bán có thể được xác định bằng một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp tính giá theo giá đích danh
- Phương pháp bình quân gia quyền
- Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)
- Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO)

Nội dung các phương pháp:

❶ Phương pháp tính giá theo giá đích danh:

- Theo phương pháp này, khi xuất kho hàng hoá thì căn cứ vào số lượng hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nào và sử dụng đơn giá nhập thực tế của lô hàng đó để xác định trị giá vốn của hàng hoá xuất kho.

- Ưu điểm: Phương pháp này dễ áp dụng với kế toán thủ công, chi phí bán ra phù hợp với doanh thu, tính trị giá xuất kho tương đối chính xác. Phù hợp với các doanh nghiệp kinh doanh ít mặt hàng, ít chủng loại, hàng hoá mang tính đơn chiếc có thể theo dõi dễ dàng từng loại, hàng có giá trị cao như ô tô, xe máy, trang sức...

- Nhược điểm: Phương pháp này không phù hợp với các doanh nghiệp có nhiều chủng loại hàng hoá và có nghiệp vụ xuất- nhập nhiều.

② Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp này, trị giá vốn của hàng hoá xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hoá xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền (có thể xác định tại thời điểm xuất kho hoặc cuối kỳ)

➤ Phương pháp xác định đơn giá xuất cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ :

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Trị giá tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng tới công tác kế toán và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hoá.

➤ Phương pháp xác định đơn giá xuất tại từng thời điểm xuất kho được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng hàng tồn sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là có thể xác định được trị giá vốn hàng bán tại bất kỳ thời điểm nào mà không phải đến cuối kỳ. Tuy nhiên, nếu làm kế toán thủ công thì phải tính toán khá nhiều, tốn công sức.

③ Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO):

Phương pháp này dựa trên giả thuyết là hàng hoá nhập trước thì sẽ được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Phải xuất hết số hàng nhập trước rồi mới xuất đến số hàng nhập sau. Vì thế, trị giá hàng tồn cuối kỳ được xác định theo đơn giá của những lần nhập cuối cùng. Phương pháp này thích hợp trong môi trường kinh tế có giá cả bình ổn, hoặc có xu hướng giảm.

④ Phương pháp nhập sau- xuất trước (LIFO):

Phương pháp này dựa trên giả thuyết là hàng hoá nào nhập kho sau cùng sẽ được xuất kho trước tiên, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Phải xuất hết số hàng nhập sau mới xuất đến số hàng nhập trước đó. Vì thế, trị giá hàng tồn cuối kỳ được xác định theo đơn giá của những lần nhập đầu. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp lạm phát.

1.2.3.2. Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn giá trị gia tăng hoặc hoá đơn bán hàng ;
- Phiếu xuất kho
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ;
- Biên bản giao nhận, kiểm kê hàng hoá...

1.2.3.3. Tài khoản sử dụng :

◆ Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hoá, dịch vụ xác định tiêu thụ trong kỳ.

◆ Các tài khoản khác có liên quan như TK 156, 157...

👉 Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 632 :

Nội dung phản ánh của TK 632 có sự khác nhau giữa 2 trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ.

✓ Đối với kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho(chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá HTK phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết)		- Kết chuyển giá vốn hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước) - Trị giá vốn của hàng bán bị trả lại nhập kho
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

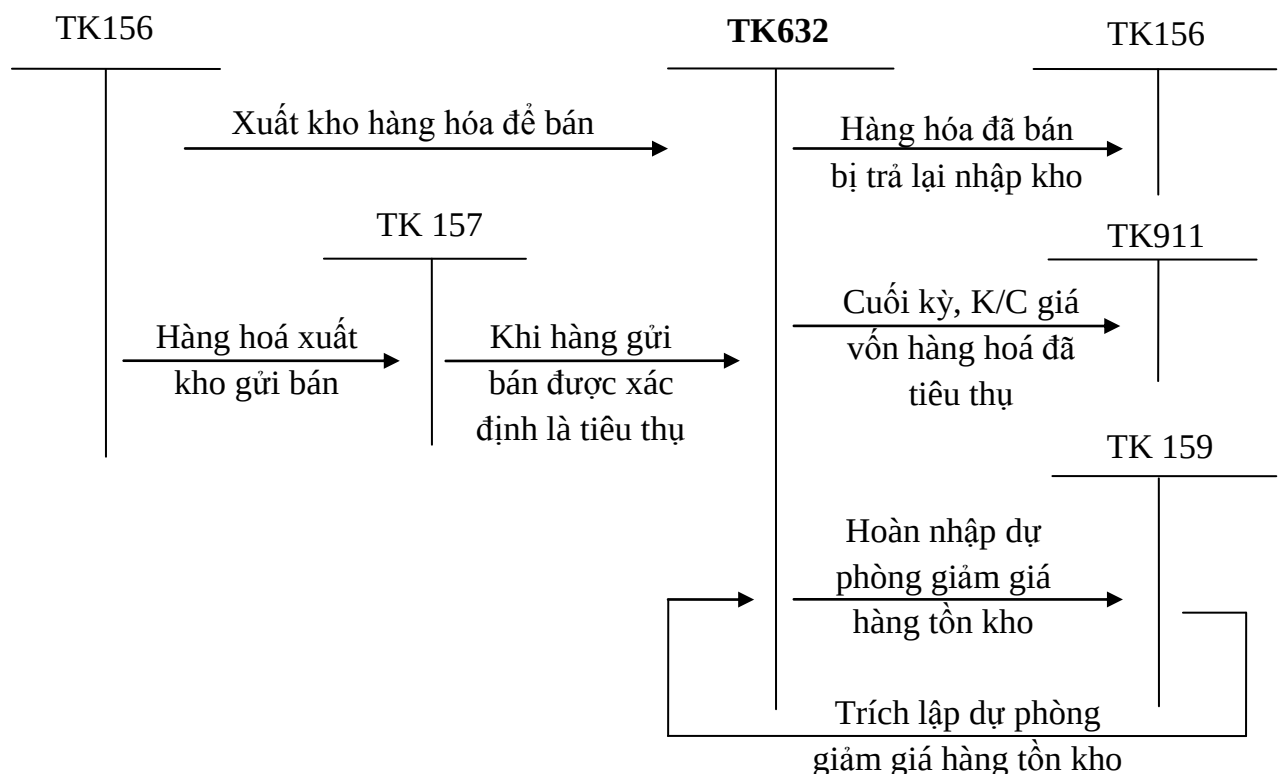
✓ Đối với kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của hàng hoá, đã xuất bán trong kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho(chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá HTK phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).	- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định tiêu thụ; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước) - Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ sang Nợ TK 911.	
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

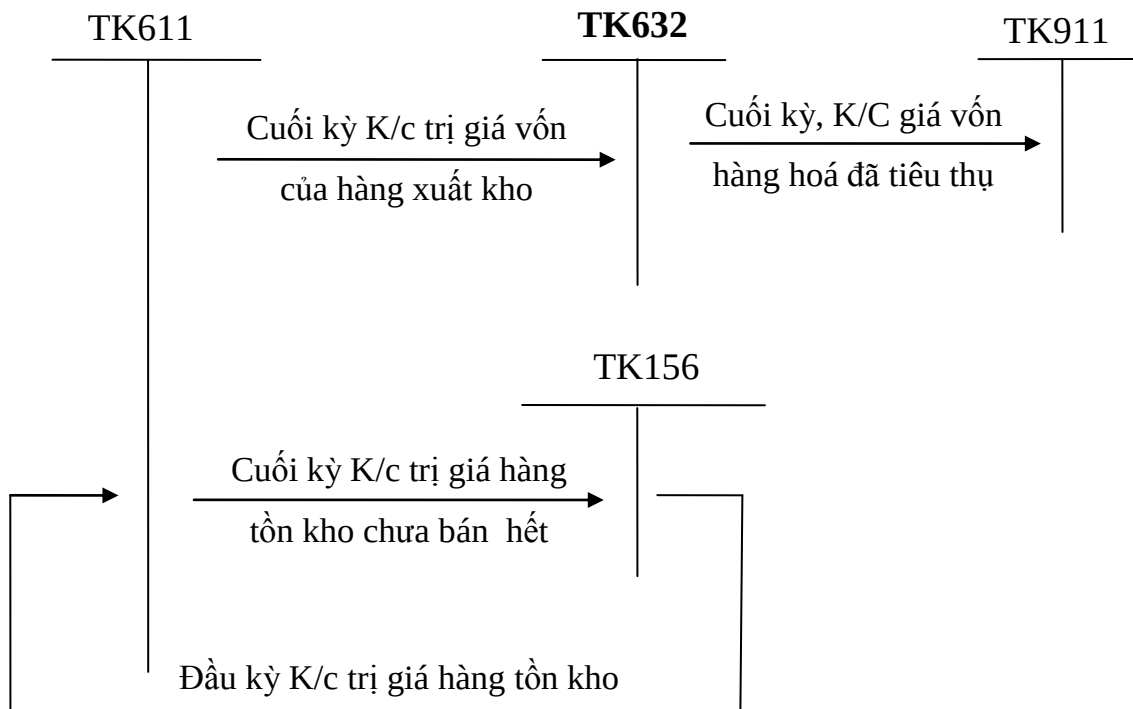
1.2.3.4. Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán:

➡ Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên:



(Nguồn: Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 2, theo Quyết định số 15/QĐ-BTC)

➡ Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ:



(Nguồn: Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 2, theo Quyết định số 15/QĐ-BTC)

1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng:

1.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Chứng từ thanh toán: Phiếu chi, giấy báo nợ
- Các chứng từ khác liên quan ...

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng:

✦ **Tài khoản 641- Chi phí bán hàng.** TK này có 7 TK cấp 2:

- + **TK 6411 - Chi phí nhân viên:** phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, vận chuyển, bảo quản hàng hoá..., bao gồm tiền lương, các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...
- + **TK 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì:** Phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ, như chi phí vật liệu đóng

gói hàng hoá, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, vận chuyển hàng hoá trong quá trình tiêu thụ...

- + TK 6413 - *Chi phí dụng cụ, đồ dùng* : Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ cho quá trình tiêu thụ hàng hoá như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc...
- + TK 6414 - *Chi phí khấu hao TSCĐ* : Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ ở bộ phận bảo quản, bán hàng, như nhà kho, bến bãi, phương tiện bốc dỡ, vận chuyển,...
- + TK 6415 - *Chi phí bảo hành* : Dùng để phản ánh khoản chi phí bảo hành hàng hoá.
- + TK 6417 - *Chi phí dịch vụ mua ngoài* : Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như tiền thuê kho bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển hàng hoá, tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận uỷ thác xuất khẩu...
- + TK 6418 - *Chi phí bằng tiền khác* : Phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí kể trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu hàng hoá, chi phí hội nghị khách hàng,...

♦ Các tài khoản khác liên quan như TK 111, 112, 331, 214...

☞ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 641:

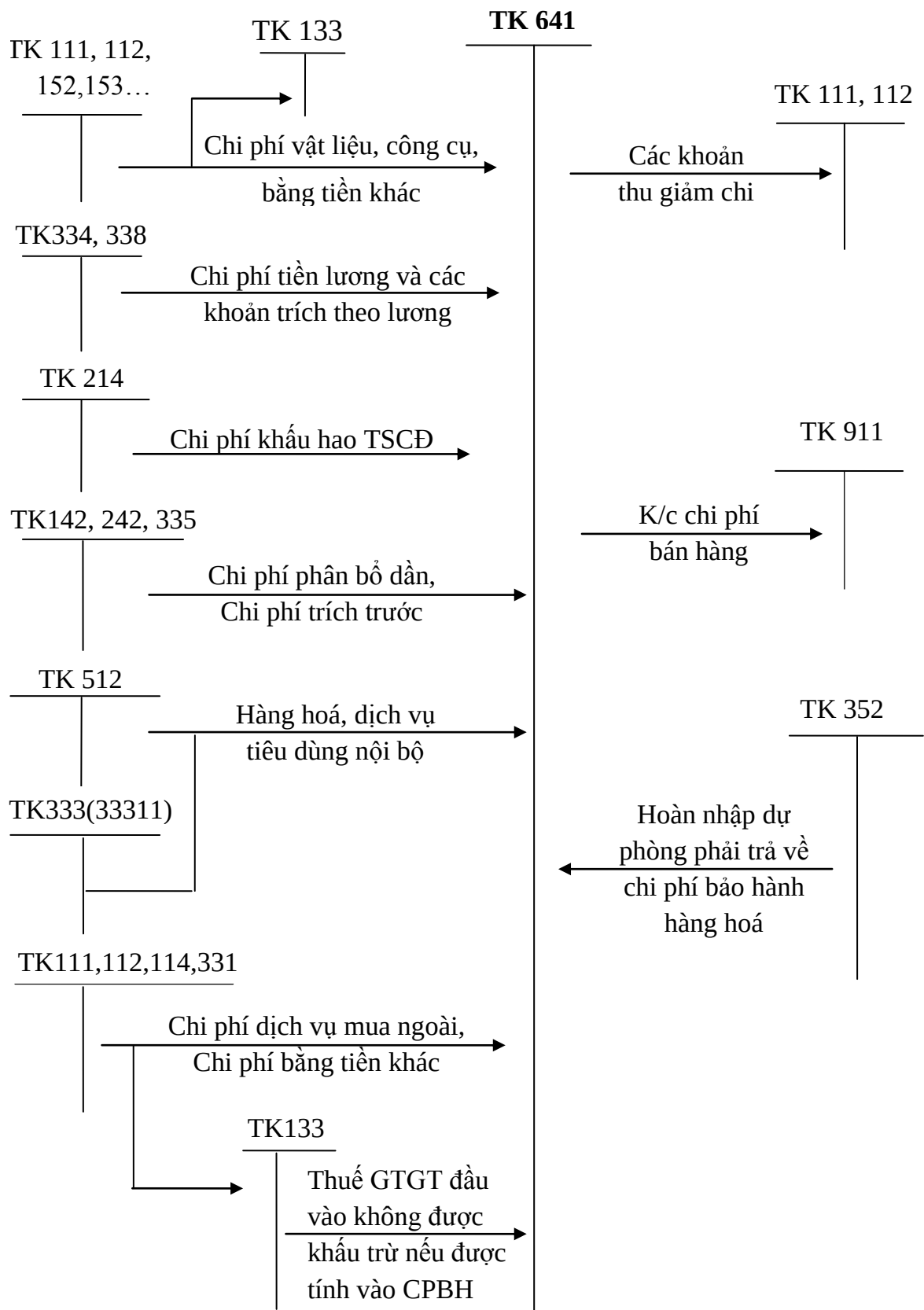
Nợ	TK 641	Có
Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ		Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911- “ xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 641 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng được thể hiện qua sơ đồ:

Sơ đồ 1.2.4.3: KẾ TOÁN CHI PHÍ BÁN HÀNG



1.2.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.5.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hoá đơn bán hàng
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác liên quan...

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng:

- ✦ **Tài khoản 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp.** TK này có 8 TK cấp 2:
 - + TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý : Phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp, như tiền lương, các khoản trích theo lương...
 - + TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý : Phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm,...
 - + TK 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng : Phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý như bàn ghế làm việc của nhân viên...
 - + TK 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ : Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: khấu hao nhà cửa làm việc của các phòng ban, máy móc thiết bị quản lý dùng trên văn phòng...
 - + TK 6425 - Thuế, phí và lệ phí : Phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như: thuế môn bài, tiền thuê đất, ... và các khoản phí, lệ phí khác.
 - + TK 6426 - Chi phí dự phòng : Phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.
 - + TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài : Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế,...(không đủ điều kiện ghi nhận TSCĐ) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý doanh nghiệp; tiền thuê TSCĐ, chi phí trả cho nhà thầu phụ.

- + TK 6428 - *Chi phí bằng tiền khác* : Phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí kể trên, như: chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, ...

✦ Các tài khoản khác có liên quan như TK 111, 112, 214...

☞ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 642:

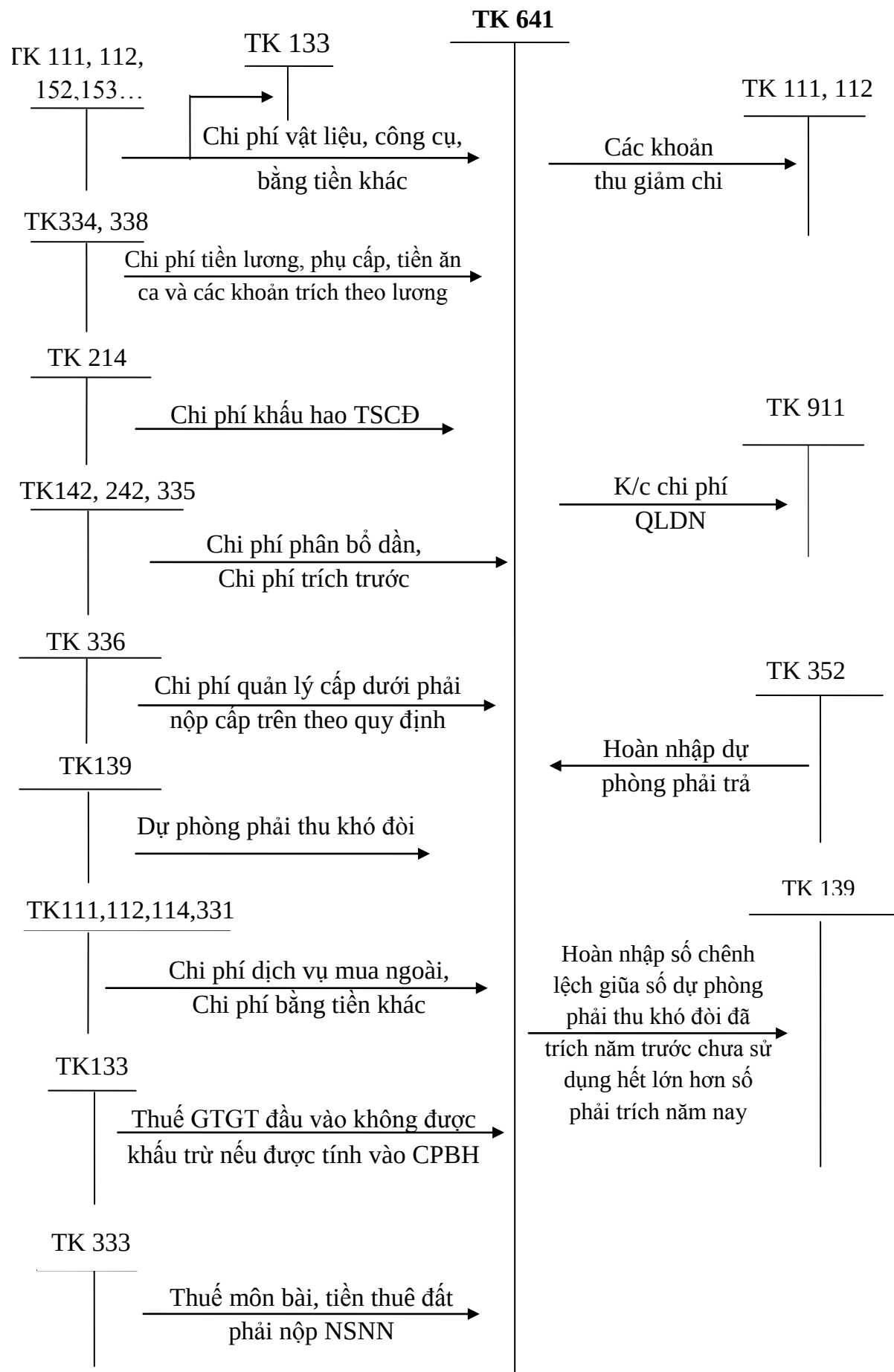
Nợ	TK 642	Có
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Dự phòng trợ cấp mất việc làm.		- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữ số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911- “ xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 642 không có số dư cuối kỳ

1.2.5.3. *Phương pháp hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp*

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2.5.3: KẾ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP



1.2.6. Kế toán hoạt động tài chính

1.2.6.1. Doanh thu tài chính:

📌 Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Séc, ủy nhiệm thu...

📌 Tài khoản sử dụng:

✓ **Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính.** TK này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

✓ Các tài khoản khác có liên quan.

👉 Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 515:

Nợ	TK 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo PP trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911- “xác định kết quả kinh doanh”.	- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia; - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; - Chiết khấu thanh toán được hưởng; - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh; - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ; - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục có gốc ngoại tệ của HĐKD; - K/c hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hđ đầu tư XD CB đã hoàn thành đầu tư vào hđ doanh thu tài chính; - Doanh thu hđ TC khác.	
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 515 không có số dư cuối kỳ

1.2.6.2. Chi phí tài chính:

☒ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ của ngân hàng...

☒ Tài khoản sử dụng:

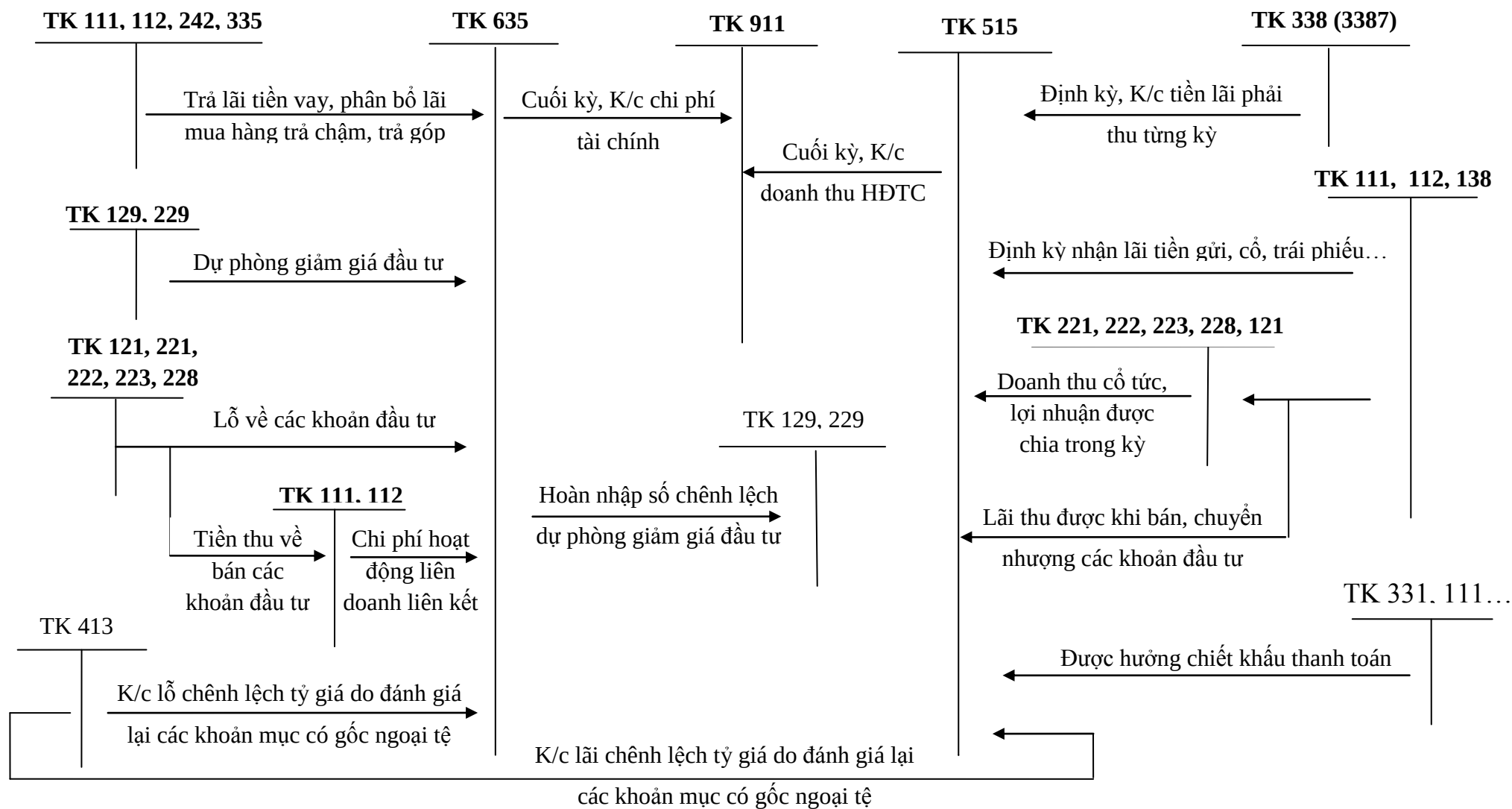
- ✓ **Tài khoản 635 – Chi phí tài chính.**
- ✓ Các tài khoản khác có liên quan

☞ Kết cấu và nội dung TK 635:

Nợ	TK 635	Có
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; - Lỗ bán ngoại tệ - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của HĐKD; - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của HĐKD; - K/c hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hđ đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính; - Các khoản chi phí của hđ đầu tư TC khác		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ sang TK 911 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 635 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.2.6: KẾ TOÁN DOANH THU VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH



1.2.7. Kế toán thu nhập, chi phí khác trong doanh nghiệp

1.2.7.1. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu, giấy báo có đối với các khoản thu nhập
- Phiếu chi, giấy báo nợ đối với các khoản chi phí
- Các giấy tờ liên quan như giấy chứng nhận quyền sở hữu quà biếu tặng; biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ; biên bản xử phạt hành chính;...

1.2.7.2. Tài khoản sử dụng:

✦ **Tài khoản 711- Thu nhập khác.** TK này phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động SXKD của doanh nghiệp.

☞ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 711:

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo PP trực tiếp(nếu có) đối với các khoản thu nhập khác; - Cuối kỳ kế toán, k/c các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911- “xác định kết quả kinh doanh”		Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 711 không có số dư cuối kỳ

✦ **Tài khoản 811- Chi phí khác.** TK này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

☞ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 811

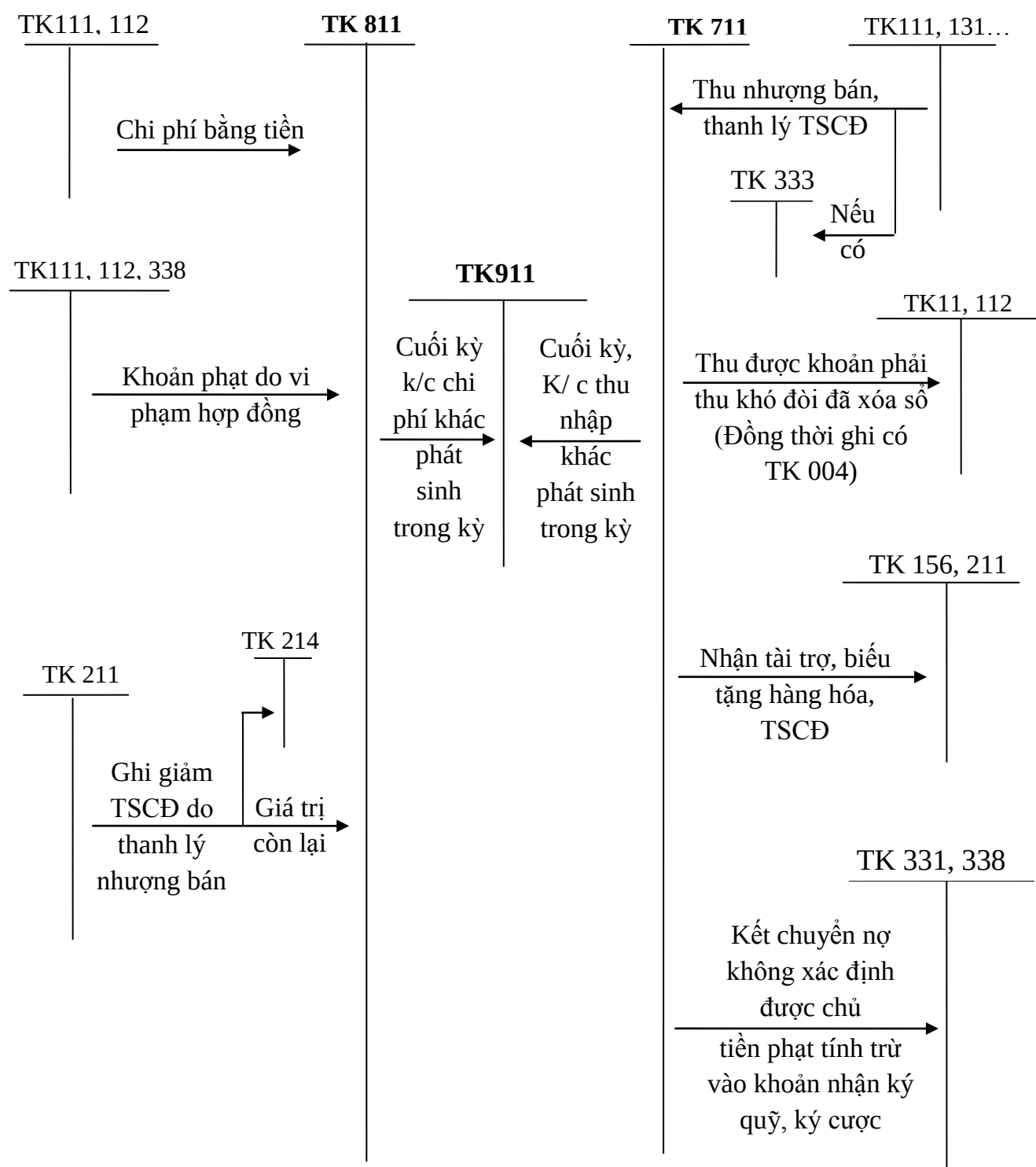
Nợ	TK 811	Có
Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		Cuối kỳ, k/c toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911- “xác định kết quả kinh doanh”
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 811 không có số dư cuối kỳ

1.2.7.3. Phương Pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác:

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được thể hiện qua sơ đồ 1.2.7

Sơ đồ 1.2.7: KẾ TOÁN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC



1.2.8. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:

❖ Kế toán sử dụng tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động bán hàng, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết cấu:

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí hoạt động tài chính, thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác. - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ.
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 911 không có số dư cuối kỳ

❖ Cách xác định kết quả hoạt động kinh doanh:

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được tính như sau:

$$\text{Tổng lợi nhuận trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$$

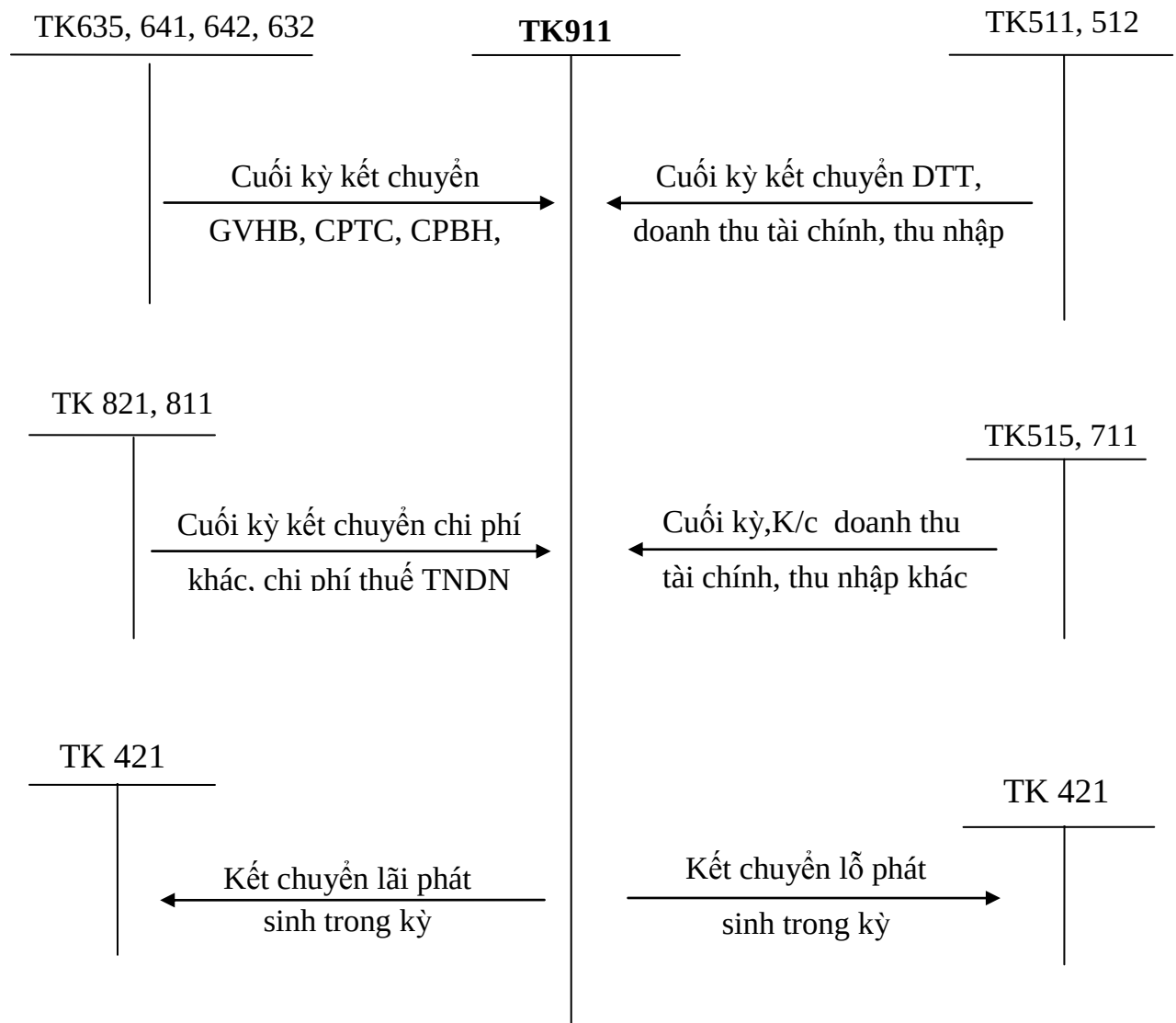
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh được tính như sau:

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{chi phí tài chính} - \text{chi phí bán hàng} - \text{chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Phương pháp hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ 1.2.8

Sơ đồ 1.2.8: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức sổ kế toán.

Tuỳ theo mỗi loại hình Doanh nghiệp, điều kiện cụ thể và đặc điểm hoạt động riêng mà Doanh nghiệp áp dụng 1 trong 5 hình thức sổ kế toán.

1.3.1. Hình thức Nhật ký – Sổ cái:

➤ Đặc điểm: Các nghiệp vụ kinh tế. tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái.

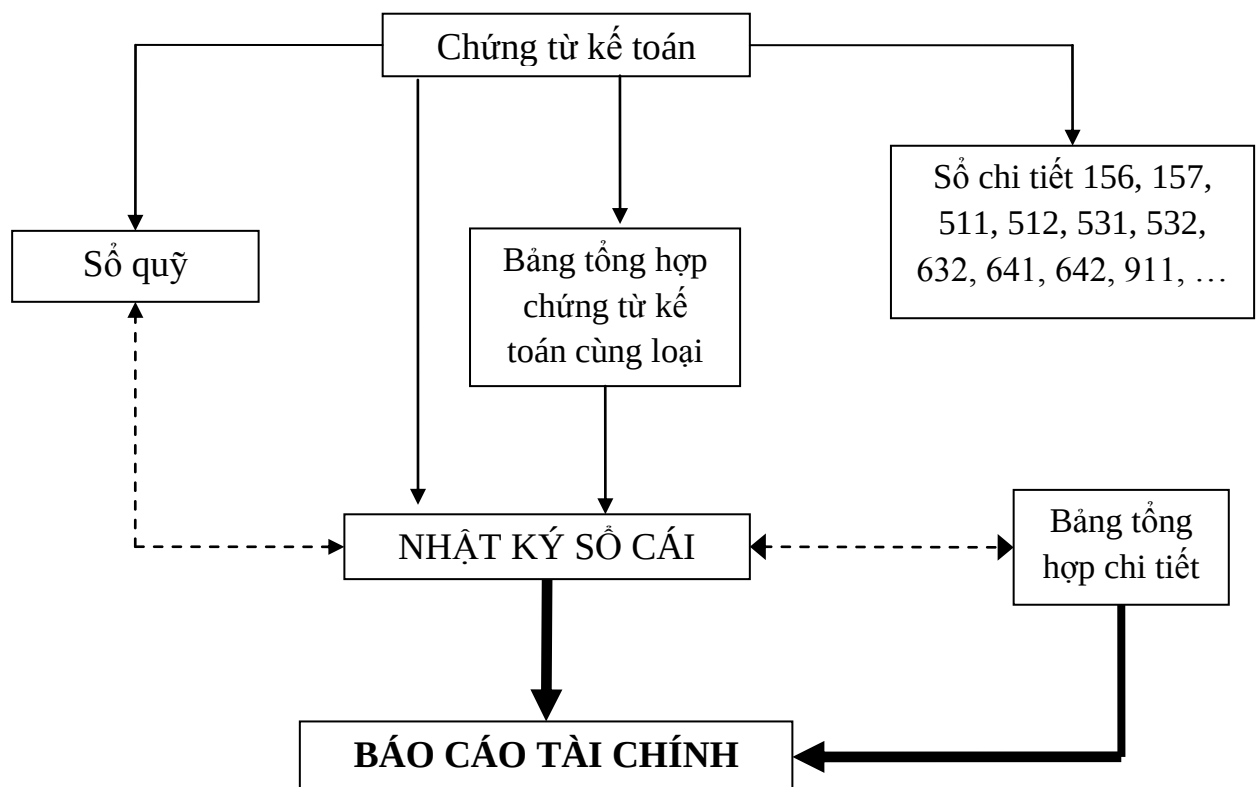
➤ Ưu điểm: Sử dụng các loại sổ có kết cấu đơn giản, dễ kiểm tra, đối chiếu.

➤ Nhược điểm: Khó phân công công việc

Theo hình thức này gồm có các sổ:

- Nhật ký – Sổ cái
- Sổ chi tiết các TK 156, 157, 511, 512, 531, 532, 521, 632, 641, 642, 911...

☞ Trình tự kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức sổ Nhật ký – Sổ cái.



Ghi chú:

Ghi hằng ngày:

Ghi cuối tháng:

Đối chiếu, kiểm tra:

1.3.2. Hình thức Nhật ký chung:

➤ Đặc điểm: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (theo định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh

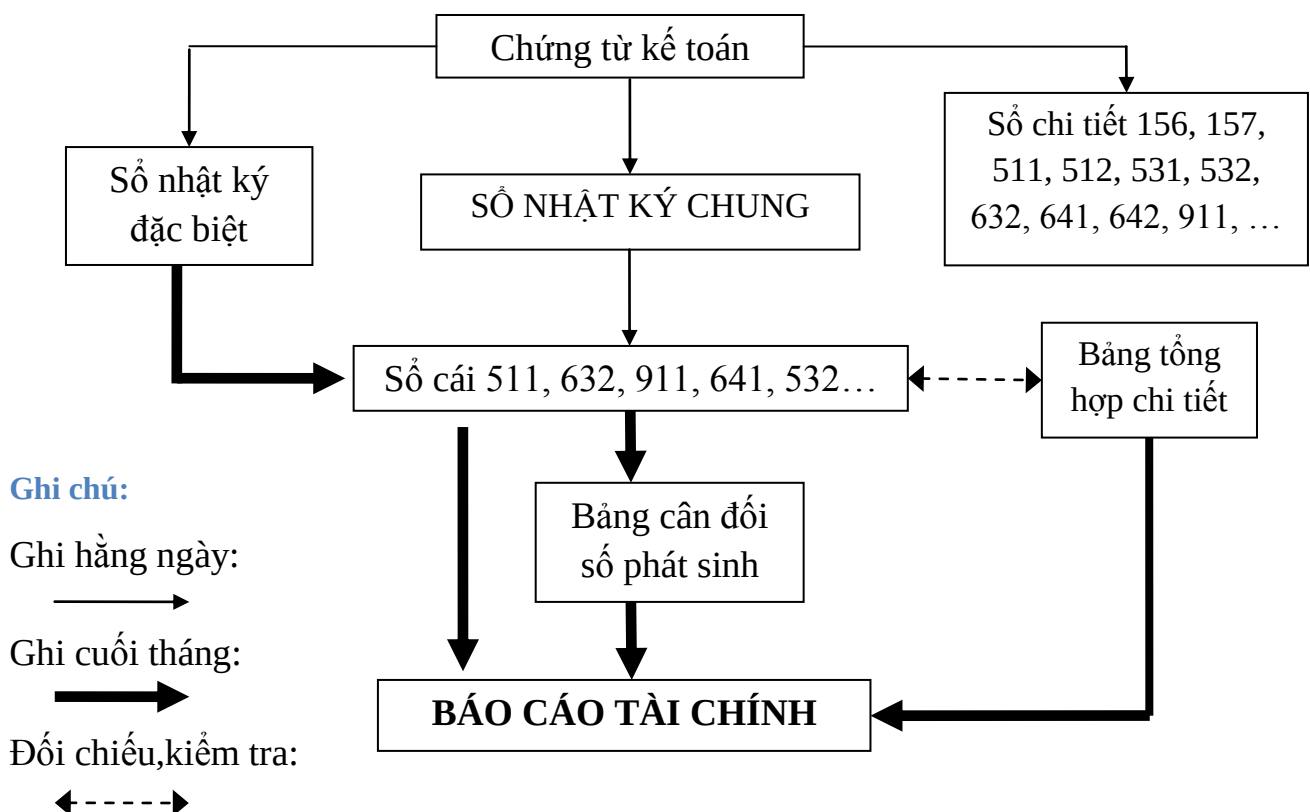
➤ Ưu điểm: Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công công việc.

➤ Nhược điểm: Việc ghi chép dễ bị trùng lặp

Theo hình thức này gồm có các sổ:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ chi tiết các TK 156, 157, 511, 512, 531, 532, 521, 632, 641, 642, 911...
- Sổ cái các TK 156, 157, 511, 512, 531, 532, 521, 632, 641, 642, 911...

➡ Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức sổ Nhật ký chung

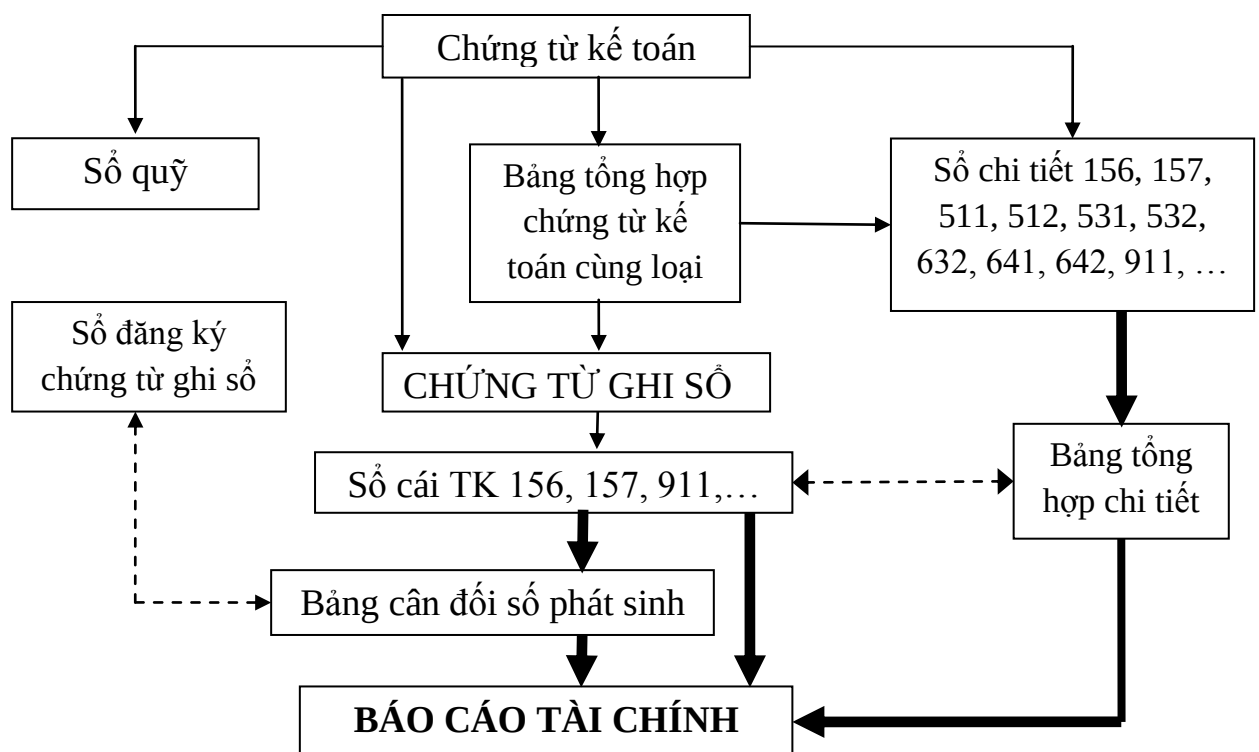


1.3.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ:

- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại tổng hợp để lập chứng từ ghi sổ, căn cứ vào chứng từ ghi sổ ghi vào sổ cái các tài khoản.
- Ưu điểm: Kết cấu mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, dễ đối chiếu số liệu.
- Nhược điểm: Ghi chép còn trùng lặp, khối lượng ghi chép nhiều.

Theo hình thức này gồm có các sổ:

- Chứng từ ghi sổ
 - Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
 - Sổ chi tiết các TK 156, 157, 511, 512, 531, 532, 521, 632, 641, 642, 911...
 - Sổ cái các TK 156, 157, 511, 512, 531, 532, 521, 632, 641, 642, 911...
- ➡ Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Chứng từ ghi sổ.



Ghi chú:

Ghi hằng ngày: $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng: $\longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra: $\longleftrightarrow$

1.3.4. Hình thức Nhật ký – Chứng từ:

➤ Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại và ghi vào Bảng kê, Nhật ký chứng từ, cuối tháng tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ để ghi vào sổ cái các tài khoản.

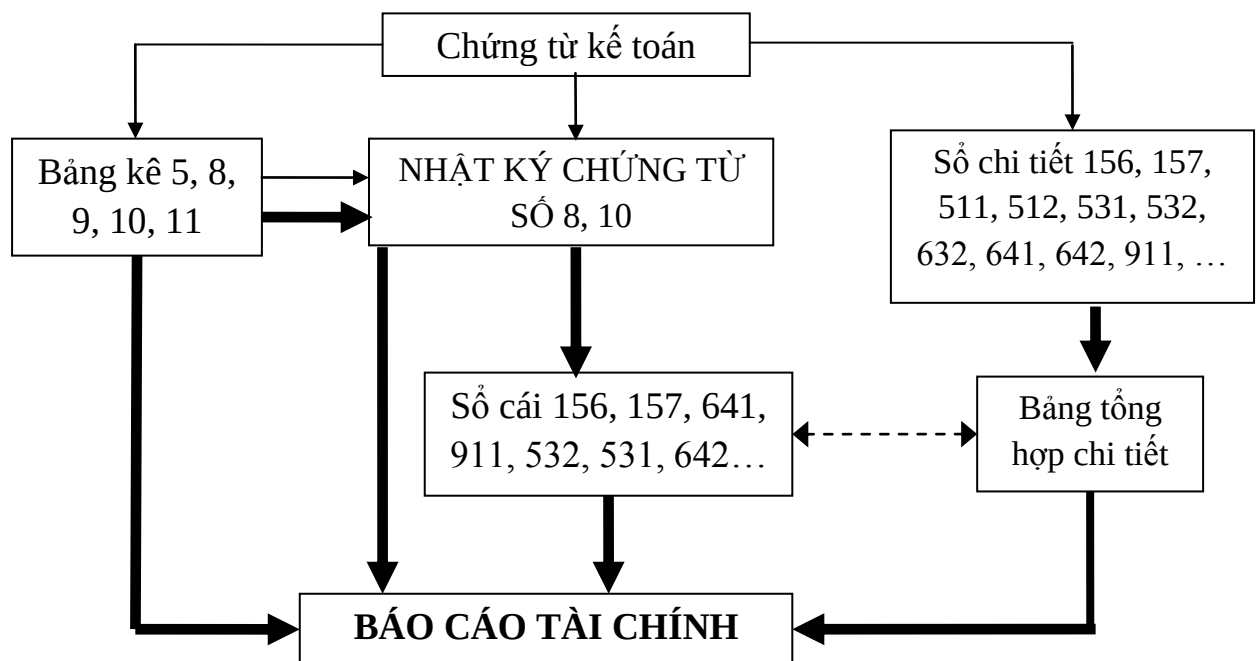
➤ Ưu điểm: Tập hợp số liệu vào các chứng từ, sổ theo quan hệ đối ứng của các TK nên giảm nhẹ thao tác ghi chép, dễ đối chiếu kiểm tra.

➤ Nhược điểm: Mẫu sổ phức tạp đòi hỏi nhân viên kế toán phải có chuyên môn vững vàng, không thuận tiện cho việc tin học hoá công tác kế toán.

Theo hình thức này gồm có các sổ:

- Sổ chi tiết các TK 156, 157, 511, 512, 531, 532, 521, 632, 641, 642, 911...
- Bảng kê số 5, 8, 9, 10, 11
- Nhật ký chứng từ số 8, 10
- Sổ cái các TK 156, 157, 511, 512, 531, 532, 521, 632, 641, 642, 911...

➡ Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký - chứng từ.



Ghi chú:

Ghi hằng ngày: 
 Ghi cuối tháng: 
 Đối chiếu, kiểm tra: 

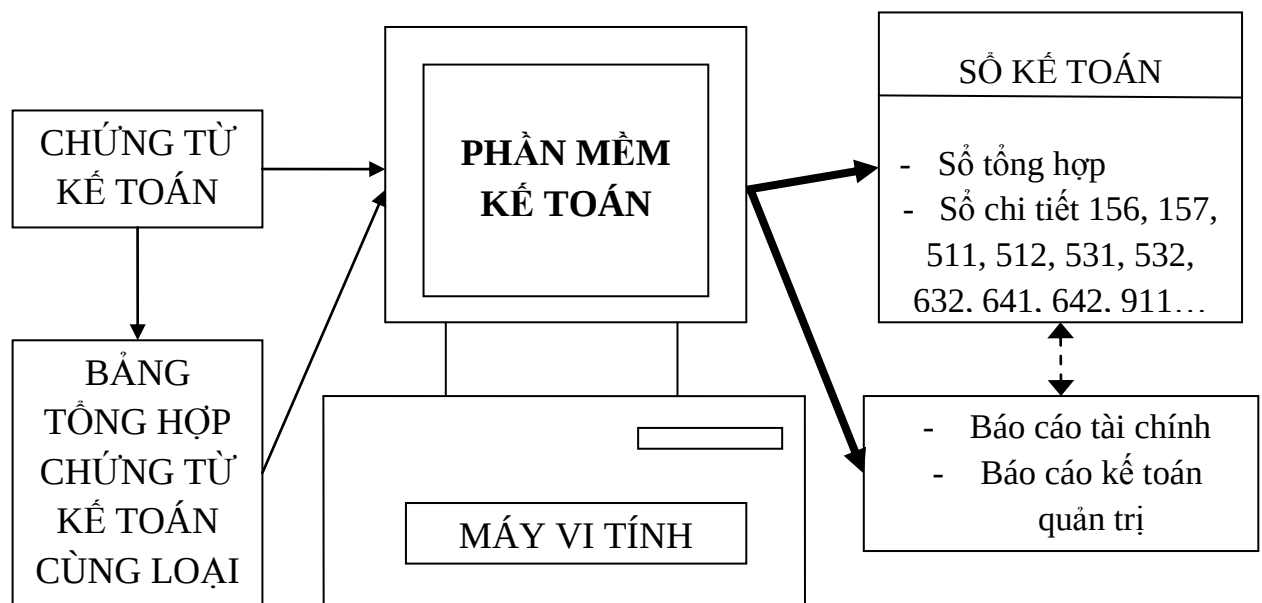
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Đặc trưng cơ bản của hình thức này là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong 4 hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy tính:

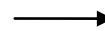
Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

- ➡ Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo Hình thức kế toán trên máy vi tính.



Ghi chú:

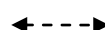
Nhập số liệu hằng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra



CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG HẢI PHÒNG – 96 QUANG TRUNG

2.1. Khái quát chung về Chi nhánh công ty Cổ Phần Thương Mại Đầu Tư & Xây Dựng Hải Phòng.

2.1.1. Đặc điểm chung:

2.1.1.1. Quá trình hình thành và phát triển:

Chi nhánh Công ty Cổ Phần Thương Mại & Đầu Tư Hải Phòng - 96 Quang Trung HP là một đơn vị hạch toán độc lập thuộc Công ty Dịch Vụ Thương Mại Hải Phòng, tiền thân là Công ty dịch vụ thương mại Hồng Bàng. Đơn vị là một doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo quyết định 775/QĐ/TCCQ ngày 02 tháng 08 năm 1985 của uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Đến tháng 1 năm 2007 chuyển thành Công ty Cổ Phần Thương Mại Đầu Tư và Xây Dựng Hải Phòng - 96 Quang Trung theo quyết định số 109/2007/NĐ-CP.

2.1.1.2. Chức năng, nhiệm vụ:

Đơn vị đã chọn kinh doanh bán các loại sản phẩm phục vụ đời sống tiêu dùng của nhân dân như: Bột giặt, các sản phẩm sữa của Nestle, nước tương, maggi, dịch vụ ăn uống...

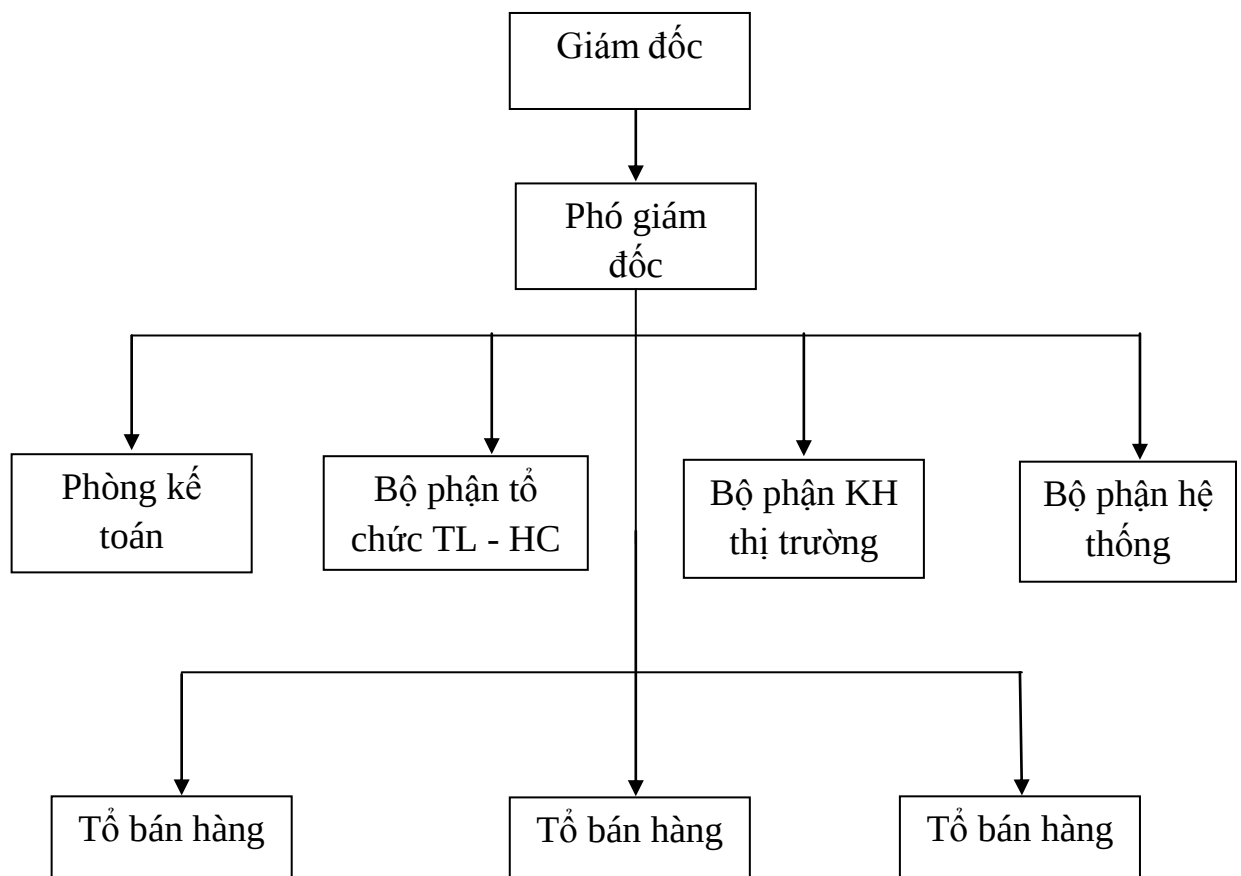
Hàng tháng, hàng quý, hàng năm đơn vị tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh dịch vụ do công ty giao cho.

Đối với Công ty Cổ Phần Thương Mại Đầu Tư Xây Dựng Hải Phòng, thì chi nhánh công ty 96 Quang Trung thực sự là một bộ phận trực tiếp tác chiến và là một cơ sở hoàn chỉnh có đầy đủ bộ phận. Để tồn tại và đứng vững trên thị trường thì đơn vị phải đưa ra nhiều phương án và vạch ra được những nhiệm vụ cụ thể trong công tác thu mua, công tác tiêu thụ hàng hoá (bán buôn, bán lẻ).

2.1.1.3 Cơ cấu tổ chức quản lý:

Mô hình quản lý của công ty theo kiểu trực tuyến chức năng. Để phù hợp với nền kinh tế thị trường, ổn định và tiếp tục phát triển, đơn vị đã mạnh dạn nghiên cứu sắp xếp lại tổ chức lại bộ máy quản lý với nguyên tắc gọn nhẹ, tinh thông và có hiệu quả. Đó là chế độ một thủ trưởng chịu trách nhiệm trước doanh nghiệp. Cơ cấu tổ chức của công ty được thể hiện qua sơ đồ dưới đây.

Sơ đồ 2.1.1.3: Cơ cấu tổ chức của Công ty



Ban giám đốc:

Quản lý công ty, chịu trách nhiệm về toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, soạn thảo công bố chính sách chiến lược, phân công trách nhiệm quyền hạn cho các cán bộ lãnh đạo, sắp xếp, bố trí cán bộ. Tổ chức chỉ đạo phê duyệt các báo cáo, các đơn đặt hàng và hợp đồng tiêu thụ sản phẩm.

Phòng tổ chức tiền lương - hành chính:

Có nhiệm vụ quản lý toàn bộ nhân lực con người trong công ty thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước đối với cán bộ công nhân viên, đảm bảo quyền lợi cho công nhân sắp xếp bố trí thay đổi nhân lực sao cho phù hợp với tay nghề và sức khoẻ của từng người.

Phòng kế hoạch thị trường:

Tìm kiếm thị trường tiêu thụ, tìm kiếm khách hàng, lập kế hoạch tiêu thụ sản phẩm và các kế hoạch khác.

Phòng tài chính kế toán:

Quản lý công tác tài chính, theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty dưới hình thức tiền tệ, mua sắm thiết bị, tập hợp chi phí, tình hình tiêu thụ, xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty, báo cáo quyết toán tài chính quý, năm trình giám đốc phê duyệt và báo cáo các cơ quan chức năng có liên quan.

Thực hiện chi trả các khoản lương, các chính sách đến tay người lao động.

2.1.1.4. Mục tiêu của công ty:

- Đẩy mạnh công tác tiếp thị, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Thúc đẩy cả hệ thống làm việc có hiệu quả, đặc biệt giúp cho công tác quản lý nói riêng đạt kết quả tốt.
- Công ty luôn đặt mục tiêu lợi nhuận lên hàng đầu. Công ty luôn cố gắng tìm hiểu và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng bằng những sản phẩm có chất lượng cao phục vụ tốt nhất. Bên cạnh đó công ty còn cố gắng thực hiện nghĩa vụ của mình với nhà nước.

2.1.1.5. Đánh giá chung về kết quả sản xuất kinh doanh của Chi nhánh công ty Cổ Phần Thương Mại Đầu Tư & Xây Dựng HP trong 3 năm vừa qua:

Năm 2007 DT là 20.643.013.417 đồng, Năm 2008 DT là 24.198.574.975 đồng, Năm 2009 DT là 30.760.509.184 đồng

Năm 2008 Doanh thu tăng 17,2% so với năm 2007 tương ứng với số tuyệt đối là 3.555.561.560 đồng, mà giá vốn hàng bán năm 2008 chiếm tỉ lệ cao hơn so với năm 2007 (89,01% so với tổng doanh thu năm 2007 và 91,06% so với tổng doanh thu năm 2008) nên lợi nhuận gộp năm 2008 tăng 1,92% so với năm 2007. Có được sự tăng trưởng đó (tuy không nhiều) là do công ty đã giữ vững và phát triển được khối khách hàng của mình. (lượng bán lẻ tăng, năm 2008 tăng nhân viên bán hàng).

Chi phí bán hàng năm 2008 có giảm nhưng không nhiều giảm 2.13% tương ứng với 39.000.000 đồng, nhưng chi phí tài chính năm 2008 tăng nhiều hơn năm 2007 và nhiều hơn mức giảm chi phí bán hàng là 27,07% tương ứng 45.361.000 đồng. Trong khi đó lợi nhuận gộp và doanh thu tài chính tăng ít hơn so với mức tăng của chi phí, vì vậy Tổng lợi nhuận giảm 17,54% tương ứng với 1.895.000 đồng.

Doanh thu năm 2009 tăng lên đáng kể so với năm 2008 tăng 27,11% tương ứng với số tuyệt đối là 6.561.934.210 đồng, nhưng do giá vốn hàng bán năm 2009 tăng cao hơn nhiều so với năm 2008 tăng 33,65% nên lợi nhuận gộp giảm 39,49% tương ứng với số tuyệt đối là 854.021.000 đồng.

Tuy nhiên do chi phí bán hàng và chi phí tài chính năm 2009 giảm nhiều so với năm 2008, giảm 40,96% chi phí bán hàng, 31,44% chi phí tài chính. Mức giảm của chi phí nhiều hơn mức giảm của lợi nhuận gộp nên Tổng lợi nhuận tăng lên 12,37% tương ứng 1.103.000 đồng.

Nhìn chung tình hình kinh doanh của công ty trong giai đoạn 2007-2009 vẫn chưa ổn định.

Bảng kết quả sản xuất kinh doanh chung của Công ty.

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2007	2008	2009	So sánh 08/07		So sánh 09/08	
				+, -	%	+, -	%
DThu BH và CCDV	20.643	24.198	30.760	3.555	17,2	6.562	27,11
Các khoản giảm trừ							
DTT về BH, CCDV	20.643	24.198	30.760	3.555	17,2	6.562	27,11
Giá vốn hàng bán	18.521	22.036	29.452	3.515	18,97	7.416	33,65
LN gộp	2.122	2162,759	1308,738	40,759	1,92	(854,021)	(39,49)
DThu HĐ tài chính	10,518	13,225	16,453	2,707	25,7	3,228	24,41
Chi phí tài chính	290,709	375,070	257,174	84,361	29,2	(117,896)	(31,44)
Chi phí bán hàng	1.831	1.792	1.058	(39)	(2,13)	(734)	(40,96)
LNT từ HĐKD	10,809	8,914	10,017	(1,895)	(17,54)	1,103	12,37
Thu nhập khác							
Chi phí khác							
LN khác							
Tổng LN	10,809	8,914	10,017	(1,895)	(17,54)	1,103	12,37

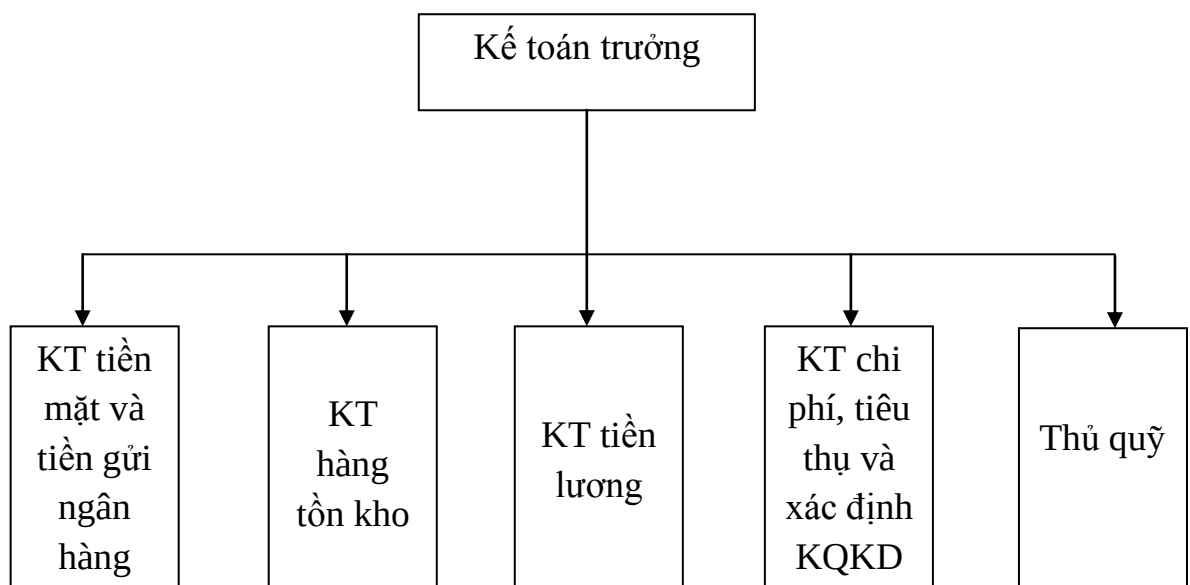
(Nguồn số liệu: Phòng kế toán CN công ty CPTM & ĐTXDHP - 96 Quang Trung)

2.1.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty:

2.1.2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán:

- Tổ chức mọi công việc kế toán thực hiện đầy đủ có chất lượng các nội dung trong công việc kế toán của công ty.
- Hướng dẫn đơn đốc kiểm tra thực hiện đầy đủ kịp thời chứng từ kế toán của công ty.
- Ngoài ra bộ máy kế toán còn phân công kiểm kê tài sản, tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ tài liệu theo đúng quy định.

Sơ đồ 2.1.2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán



- **Kế toán trưởng:** Chịu trách nhiệm chỉ đạo hướng dẫn toàn bộ các công tác kế toán, thống kê thông tin kinh tế trong toàn bộ công ty. Đồng thời chịu trách nhiệm về tổ chức, tiến hành và lập kế hoạch các hoạt động vay vốn, trả nợ vốn. Cố vấn cho giám đốc về các quyết định tài chính.
- **Kế toán vốn bằng tiền:** Theo dõi phản ánh chính xác, đầy đủ kịp thời số liệu có tình hình biến động quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

- **Kế toán tiền lương:** Thanh toán các khoản lương phụ cấp cho cán bộ công nhân viên, trích trả các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ của công nhân theo quy định.
- **Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh:** Thay thế kế toán trưởng khi vắng mặt, quản lý bộ máy kế toán công ty, theo dõi phản ánh chính xác kịp thời tình hình tiêu thụ hàng hoá, thực hiện đúng đủ các nghiệp vụ kế toán về tiêu thụ hàng hoá, lập báo cáo tiêu thụ, báo cáo kết quả kinh doanh.
- **Thủ quỹ:** Có nhiệm vụ thu –chi tiền, cân đối quỹ
- **Kế toán hàng tồn kho:** Hạch toán chi tiết, tổng hợp sự biến động của hàng hoá nhập xuất trong kỳ, ghi chép tính toán và phản ánh kịp thời, chính xác số lượng số lượng, chất lượng và giá trị thực tế của hàng hoá.

2.1.2.2. Tổ chức công tác kế toán:

❖ Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán, tài khoản tại công ty

Công ty vận dụng hệ thống chứng từ bán hàng theo QĐ số 15/2006 ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC.

❖ Tổ chức hệ thống sổ tại công ty

Dựa vào tình hình thực tế của công ty, bộ máy kế toán, để tiến hành công việc kế toán, công ty đã chọn hình thức Sổ Nhật ký chung.

Công ty áp dụng kỳ kế toán năm là 12 tháng tính từ 01/01 đến hết ngày 31/12 năm dương lịch.

Kiểm kê hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty áp dụng thuế GTGT theo PP khấu trừ.

❖ Tổ chức hệ thống báo cáo tại công ty.

Để cung cấp thông tin kế toán cho yêu cầu quản lý nội bộ và cho các cơ quan chức năng, công ty thiết lập hệ thống báo cáo gồm:

➡ Báo cáo nội bộ:

- Định kỳ hàng tháng

+ Báo cáo quỹ

+ Báo cáo tình hình thu chi tiền mặt và tiền gửi

- Định kỳ quý:

+ Báo cáo lãi, lỗ về tình hình tiêu thụ hàng hóa

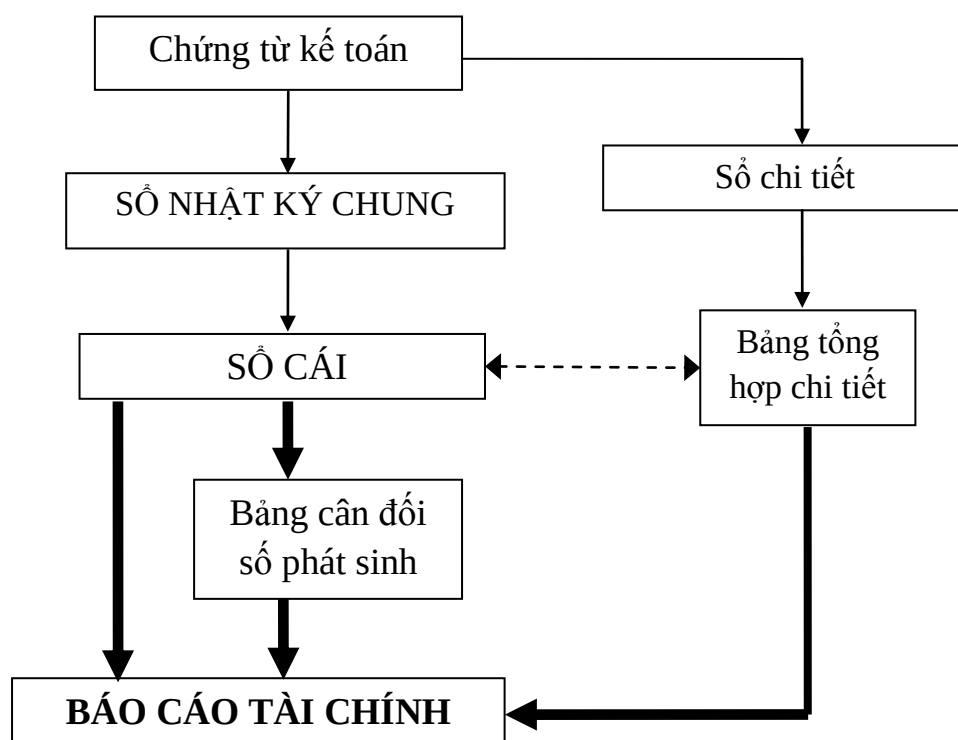
+ Báo cáo công nợ

+ Báo cáo tình hình thu chi tiền mặt, tiền gửi

➔ Báo cáo tài chính: Gồm 04 loại theo quy định của chế độ kế toán. Theo quy định hiện hành (quyết định số 157/2000/QĐ – BTC 25/10/2000 của Bộ Trưởng BTC) hệ thống báo cáo tài chính gồm:

- Bảng cân đối kế toán (B01 – DN)
- Kết quả hoạt động kinh doanh (B02 – DN)
- Báo cáo luân chuyển tiền tệ (B03 – DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (B09 – DN)

❖ Trình tự ghi sổ kế toán



Ghi chú:

Ghi hằng ngày: —————→

Ghi cuối tháng: —————→

Đối chiếu, kiểm tra: <----->

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty Cổ Phần Thương Mại & Đầu Tư và Xây Dựng HP.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng phản ánh doanh thu của khối lượng hàng hóa đã bán, được xác định là tiêu thụ trong kỳ.

Công ty hiện đang kinh doanh các loại sản phẩm tiêu dùng của hãng Nestle như: các loại sữa Nestle gấu 123, Millo, Bột nêm Maggi...và dịch vụ cho thuê văn phòng

➡ Phương thức bán hàng: Công ty tiến hành theo phương thức bán hàng trực tiếp

➡ Phương thức thanh toán tiền hàng được thỏa thuận thống nhất giữa hai bên. Công ty áp dụng theo 3 cách:

- Bán hàng thu tiền ngay thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, áp dụng khách hàng mua ít không thường xuyên hay khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay. Phương thức này giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh tránh được tình trạng chiếm dụng vốn.

- Thanh toán chậm: Phương thức này áp dụng cho khách hàng thường xuyên có uy tín với doanh nghiệp

- Thanh toán qua ngân hàng: hình thức này được trích chuyển từ tài khoản người phải trả sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả lệ phí cho ngân hàng.

2.2.1.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng:

♦ Chứng từ sử dụng:

- HĐGTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan.

♦ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
 - + TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
 - + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 333: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Công ty sử dụng TK 3331: Thuế GTGT phải nộp (TK 33311: Thuế GTGT đầu ra)

- TK 131: Phải thu khách hàng

Tại Công ty TK 131 được mở chi tiết cho từng khách hàng.

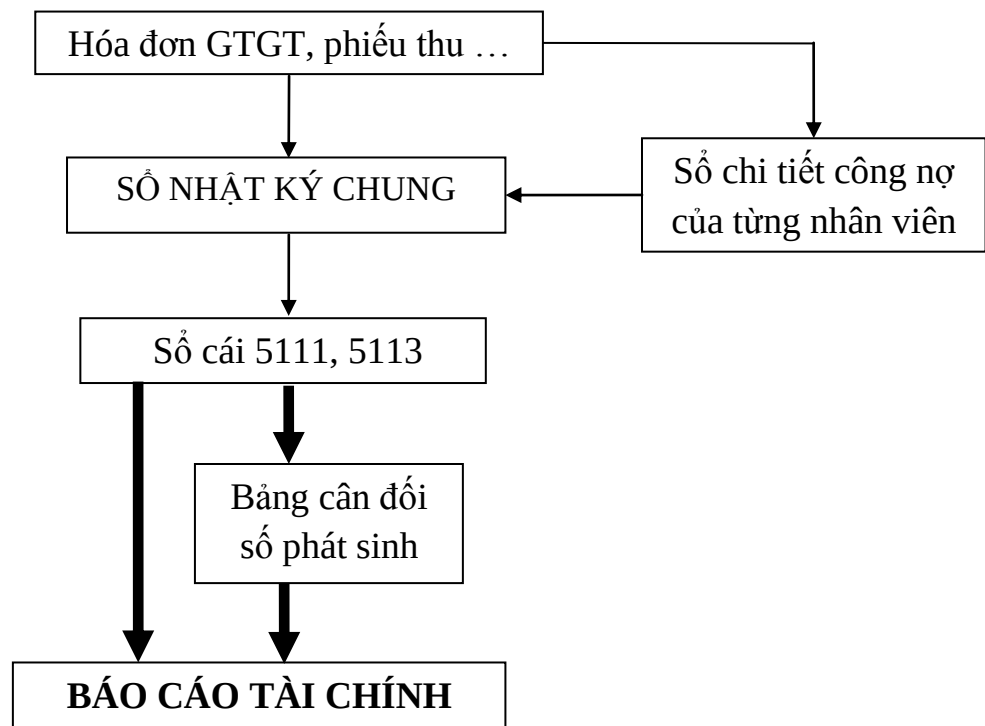
- TK 111: Tiền mặt
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng

♦ **Sổ sách kế toán:**

Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511 và các sổ khác có liên quan

2.2.1.2. Trình tự hạch toán:

Sơ đồ 2.2.1.2 : Quy trình hạch toán Doanh thu tại công ty



 Bán buôn qua kho:

Theo phương thức này công ty nhận đơn hàng qua điện thoại và giao hàng đến tận nơi cho khách hàng. Chứng từ bán hàng trong trường hợp này là hoá đơn GTGT và là căn cứ để tính doanh thu. Hoá đơn do phòng kế toán lập thành 3 liên. Liên 1 lưu lại quyền hoá đơn gốc, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 đưa cho thủ kho để làm căn cứ ghi thẻ kho rồi chuyển cho kế toán làm căn cứ ghi sổ làm thủ tục thanh toán.

Hình thức thanh toán của công ty chủ yếu là chuyển khoản.

Ví dụ:

Ngày 10/12/2009, đơn vị bán cho CN Công ty CP Intimex Việt Nam tại Hải Phòng một số mặt hàng sau:

12080576 Nước đậu nành gà:	12 hộp
11350116 Milo hũ 400g:	24 hũ
12100233 Milo nước 110ml:	240 hộp
11350263 Gạo lứt 200g:	12 hộp
12083632 NC gạo dinh dưỡng 200g:	10 hộp
12083641 NC rau củ 200g:	12 hộp
12036849 Nan 2, 900g:	6 hộp
12108954 Milo gói 10:	90 gói
12116457 Milo nước 100ml:	240 hộp
11350265 NC trái cây 200g:	12 hộp

Cộng tiền hàng 7.228.495 đồng, thuế suất 10% (số tiền: 722.849 đ), tổng cộng tiền thanh toán là 7.951.344 đồng, Intimex đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Kế toán lập hóa đơn GTGT số 024433, từ hóa đơn GTGT phản ánh vào SNKC sau đó phản ánh vào sổ cái 5111. Cuối tháng lập bảng cân đối số phát sinh.

HÓA ĐƠN				Mẫu số: 01GTKT - 3LL													
GIÁ TRỊ GIA TĂNG				LT/2009B													
Liên 3: Nội bộ				0024433													
Ngày 10 tháng 12 năm 2009																	
Đơn vị bán hàng: Chi nhánh công ty Cổ Phần Thương Mại & Đầu Tư HP - 96 Quang Trung																	
Địa chỉ: 96 Quang Trung - Hải Phòng																	
Số tài khoản:																	
Điện thoại:		MS:	0	2	0	0	1	2	9	7	4	8	—	0	0	5	
Họ tên người mua hàng:																	
Tên đơn vị: CN Công ty CP Intimex Việt Nam tại Hải Phòng																	
Địa chỉ: 41 Điện Biên Phủ - Hải Phòng																	
Số tài khoản:																	
Hình thức thanh toán:		CK	MS:	0	1	0	0	1	0	8	0	3	9	0	0	3	—
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ			Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá		Thành tiền									
A	B			C	1	2		3=1x2									
1	12080576 NC đậu nành gà			hộp	12	30273		363.276									
2	11350116 Millo hũ 400g			hộp	24	31909,08		765.818									
3	12100233 millo nước 110ml			hộp	240	2652		636.480									
4	11350263 gạo lức 200g			hộp	12	28545		342.540									
5	12083632 NC gạo dinh dưỡng 200g			hộp	10	23364		233.640									
6	12083641Nước rau củ 200g			hộp	12	29455		353.460									
7	12036844 Nan 2 900g			hộp	6	275273,16		1.651.639									
8	12108954 Millo gói 10			gói	90	18090,91		1.628.182									
9	12116457 Millo nước 100ml			hộp	240	3750		900.000									
10	11350265 NC trái cây 200g			hộp	12	29455		353.460									
Cộng tiền hàng:							7.228.495										
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:							722.850										
Tổng cộng tiền thanh toán							7.951.345										
Số tiền viết bằng chữ: Bảy triệu chín trăm năm mươi một ngàn ba trăm bốn mươi bốn đồng ./.																	
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)				Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)				Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)									

CHI NHÁNH CÔNG TY CP TMĐT & XD HP - 96 QUANG TRUNG

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 Năm 2009

Chứng từ		DIỄN GIẢI	Tài khoản	Số phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6
....					
....					
HĐGTGT	10	Tiền gửi ngân hàng	112ACB	7.951.344	
		Doanh thu bán hàng	5111		7.228.495
		Thuế GTGT đọc khấu trừ	3331		722.849
		Trả tiền bán hàng - CN Cty Intimex HP			
....					
....					
UNC	17	Phải trả cho người bán	331	300.000.000	
		Tiền gửi ngân hàng	112ACB		300.000.000
		Trả tiền mua hàng cho công ty Nestle			
PTPDV	17	Chi phí bán hàng	641	136.364	
		Thuế GTGT đọc khấu trừ	133	13.636	
		Tiền gửi ngân hàng	112ACB		150.000
		Ngân hàng thu phí chuyển tiền			
....					
....					
		Lũy kế phát sinh		26.648.348.290	26.648.348.290

(Nguồn: Trích số liệu phòng kế toán Chi nhánh công ty CPTM & ĐTXDHP - 96 Quang Trung)

CHI NHÁNH CÔNG TY CP TMĐT & XD HP - 96 QUANG TRUNG

SỔ CÁI 5111:DOANH THU BÁN HÀNG

Tháng 12 Năm 2009

Ngày vào số	Trang NKC	DIỄN GIẢI	Tài khoản đối ứng	Phát sinh	
				Nợ	Có
1	2	3	4	5	6
11	3	Thu tiền bán hàng	111		790.372.266
14	4	Thu tiền bán hàng	111		379.628.161
15	5	Thu tiền bán hàng	111		582.098.619
26	6	Thu tiền bán hàng	111		398.639.729
28	7	Thu tiền bán hàng	111		97.295.916
31	11	Thu tiền bán hàng	112ACB		213.754.596
31	12	Thu tiền bán hàng	112ACB		7.228.495
31	14	Thu tiền bán hàng	112ACB		53.446.455
31	14	Nhân viên tiếp thị nợ tiền mua hàng	131		410.460.847
31	15	Nhân viên tiếp thị nợ tiền mua hàng	131		243.234.739
31	15	Thu tiền bán hàng	111		96.304.525
31	18	Công ty TNHH Nestle VN nợ tiền hàng,CT	131		178.843.940
31	18	Công ty TNHH Nestle VN nợ tiền hàng,CT	138		21.570.000
31	19	Kết chuyển doanh số bán hàng	911	3.472.878.288	
		Cộng trang		3.472.878.288	3.472.878.288

(Nguồn: Trích số liệu phòng kế toán Chi nhánh công ty CPTM & ĐTXDHP - 96 Quang Trung)

Bán lẻ qua kho:

Hàng ngày nhân viên tiếp thị nhận hàng và đem đi bán theo giá công ty quy định sẵn thông qua Phiếu(đặt) giao hàng Nestle.

Hình thức thanh toán chủ yếu là tiền mặt và thanh toán chậm.

Khi xuất hàng cho nhân viên tiếp thị, kế toán không ghi hóa đơn giá trị gia tăng ngay nên kế toán không căn cứ vào hóa đơn GTGT để ghi sổ nhật ký chung.

Khi nhân viên đi bán hàng thu tiền mặt, đến cuối ngày thì nộp tiền cho thủ quỹ kèm theo bảng kê các loại tiền, kế toán căn cứ vào đó để lập phiếu thu. Từ phiếu thu kế toán vào sổ nhật ký chung, từ NKC vào sổ cái và cuối tháng căn cứ vào sổ cái để vào Bảng cân đối số phát sinh.

Đối với trường hợp nhân viên tiếp thị chưa thu được tiền, kế toán theo dõi trên sổ chi tiết công nợ với từng nhân viên. Cuối tháng kế toán vào sổ nhật ký chung .

Ví dụ:

Ngày 7/12/2009: Nhân viên Dũng nộp tiền bán hàng cuối ngày là: 89.000.000 (phiếu thu số 15)

Ngày 31/12/2009: Nhân viên Dũng nộp tiền bán hàng qua ngân hàng là 29.400.000 đồng (Bảng kê giao dịch hàng ngày), cuối tháng trên sổ chi tiết công nợ của từng nhân viên thì nhân viên Dũng còn nợ 150.554.483 đồng.

Từ phiếu thu số 15, bảng kê, sổ chi tiết công nợ kế toán vào Sổ nhật ký chung, trên sổ nhật ký chung kế toán cộng dồn số tiền bán hàng (chưa có VAT) trên cùng một trang sổ rồi phản ánh vào sổ cái TK 5111.

PHIẾU THU Số 15/12

Mẫu số 01 - TT

Ngày 07 tháng 12 năm 2009

QĐ số : 15/2006/QĐ-BTC

Nợ.....

ngày 20 tháng 3 năm 2006

Có.....

của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

Họ và tên người nộp tiền: Trần Tiến Dũng

Địa chỉ: Tổ bán hàng

Lý do nộp: Nộp tiền bán hàng

Số tiền: 89.000.000 đồng.....(Viết bằng chữ)Tám mươi chín triệu đồng chẵn ./.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền:

Ngày 07 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

Thủ quỹ

Người nhận tiền

Page: 1 of 1

Account Number: 13248089

Statement Date: 05-01-2010

Number of Checks: 0

---- Orgnbr : 33836

CNCTY CPTM DT & XD HP-CH DVTM 96 Q.TRUNG

---- So nha 96

---- Pho QUANG TRUNG

P.PHAN BOI CHAU Quan Hong Bang

BANG KE GD - TGTT KHTN (TO CHUC) VND Checking 13248089

Tu ngay : 31-12-2009

Den ngay : 31-12-2009

So du dau	+ Gui vao (lai nhap von)	- Rut ra	- Phi	So du cuoi
1,082,842,403.00	29,400,000 0.00	275,137,500.00		837,104,903.00

Ngày	Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có	So dư
31-12	So Du Dau			1,082,842,403.00
31-12	##CN CTY CP TM DT&XD HP-96	-		807,842,403.00
	QT ##TTOAN TIEN THEO DON	275,000,000.00		
	DAT HANG(00025296210 NGÀY			
	21/12/2009 (KENH TRUYEN			
	THONG)#			
31-12	##CN CTY CP TM DT&XD HP-96	-137,500.00		807,704,903.00
	QT##THU PHI CT#			
31-12	NV TRAN TIEN DUNG-		29,400,000.00	837,104,903.00
	TIENBAN HANG NGÀY			
	31/12/2009##			

GIAO DỊCH VIEN

CHI NHÁNH CÔNG TY CP TMĐT & XD HP - 96 QUANG TRUNG

CÔNG NỢ CHI TIẾT NHÂN VIÊN

Tháng 12 năm 2009

Trần Tiến Dũng

Ngày	Nợ đầu ngày	Hóa đơn trong ngày	Thanh toán trong ngày	Trả hàng	Nợ cuối ngày
1	120.879.077	5.320.000	3.036.240		123.162.837
2	123.162.837		2.802.001		120.360.836
3	120.360.836				120.360.836
4	120.360.836	24.748.054	1.150.000		143.958.890
5	143.958.890				143.958.890
6	143.958.890	14.820.040			158.778.930
7	158.778.930		89.000.000		69.778.930
8	69.778.930	63.727.273			133.506.203
....					
....					
30	178.472.479	1.482.004			179.954.483
31	179.954.483		29.400.000		150.554.483
Tổng		164.063.647	134.388.241		

CHI NHÁNH CÔNG TY CP TMĐT & XD HP - 96 QUANG TRUNG

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6
....					
BK	31	Tiền gửi ngân hàng	112ACB	29.400.000	
		Doanh thu bán hàng	5111		26.727.273
		Thuế GTGT độc khấu trừ	3331		2.672.727
		Thu tiền bán hàng- Ông Dũng			
....					
....					
PTK	31	Phải thu của khách hàng	131	150.554.483	
		Doanh thu bán hàng	5111		136.867.716
		Thuế GTGT phải nộp	3331		13.686.767
		Nợ tiền bán hàng- Ông Dũng			
....					
....					
		Lũy kế phát sinh		26.648.348.290	26.648.348.290

Trích nguyên trang số 3 của Sổ nhật ký chung.

CHI NHÁNH CÔNG TY CP TMĐT & XD HP - 96 QUANG TRUNG

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 Năm 2009

Chứng từ		DIỄN GIẢI	Tài khoản	Số phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6
		Trang tróc chuyển sang		1.180.546.544	1.180.546.544
15t	7	Tiền mặt	111	89.000.000	
		Doanh thu bán hàng	5111		80.909.091
		Thuế GTGT phải nộp	3331		8.090.909
		Nộp tiền bán hàng- Ông Dũng			
16t	7	Tiền mặt	111	95.000.000	
		Doanh thu bán hàng	5111		86.363.637
		Thuế GTGT phải nộp	3331		8.636.363
		Nộp tiền bán hàng - Ông Thuận			
17t	8	Tiền mặt	111	65.099.489	
		Doanh thu bán hàng	5111		59.181.354
		Thuế GTGT phải nộp	3331		5.918.135
		Nộp tiền bán hàng- Ông Thắng			
18t	8	Tiền mặt	111	98.000.000	
		Doanh thu bán hàng	5111		89.090.909
		Thuế GTGT phải nộp	3331		8.909.091
		Nộp tiền bán hàng- Ông D- ơng			
19t	9	Tiền mặt	111	97.000.000	
		Doanh thu bán hàng	5111		88.181.818
		Thuế GTGT phải nộp	3331		8.818.182
		Nộp tiền bán hàng- Ông Đô			
20t	9	Tiền mặt	111	96.000.000	
		Doanh thu bán hàng	5111		87.272.728
		Thuế GTGT phải nộp	3331		8.727.272
		Nộp tiền bán hàng- Ông Hiệp			
21t	10	Tiền mặt	111	95.000.000	
		Doanh thu bán hàng	5111		86.363.637
		Thuế GTGT phải nộp	3331		8.636.363
		Nộp tiền bán hàng- Ông Trung			
22t	10	Tiền mặt	111	98.000.000	
		Doanh thu bán hàng	5111		89.090.909

		Thuế GTGT phải nộp	3331		8.909.091
		Nộp tiền bán hàng- Ông Tr- ờng			
23t	11	Tiền mặt	111	41.310.000	
		Doanh thu bán hàng	5111		37.554.546
		Thuế GTGT phải nộp	3331		3.755.454
		Nộp tiền bán hàng- Bà Thẩm			
24t	11	Tiền mặt	111	95.000.000	
		Doanh thu bán hàng	5111		86.363.637
		Thuế GTGT phải nộp	3331		8.636.363
		Nộp tiền bán hàng- Ông Tuấn			
		Cộng trang		869.409.489	869.409.489
		Luỹ kế phát sinh		2.049.956.033	2.049.956.033

CHI NHÁNH CÔNG TY CP TMĐT & XD HP - 96 QUANG TRUNG

SỔ CÁI 5111:DOANH THU BÁN HÀNG

Tháng 12 Năm 2009

<i>Ngày vào sổ</i>	<i>Trang NKC</i>	<i>DIỄN GIẢI</i>	<i>Tài khoản đối ứng</i>	<i>Phát sinh</i>	
				<i>Nợ</i>	<i>Có</i>
1	2	3	4	5	6
11	3	Thu tiền bán hàng	111		790.372.266
14	4	Thu tiền bán hàng	111		379.628.161
15	5	Thu tiền bán hàng	111		582.098.619
26	6	Thu tiền bán hàng	111		398.639.729
28	7	Thu tiền bán hàng	111		97.295.916
31	11	Thu tiền bán hàng	112ACB		213.754.596
31	12	Thu tiền bán hàng	112ACB		7.228.495
31	14	Thu tiền bán hàng	112ACB		53.446.455
31	14	Nhân viên tiếp thị nợ tiền mua hàng	131		410.460.847
31	15	Nhân viên tiếp thị nợ tiền mua hàng	131		243.234.739
31	15	Thu tiền bán hàng	111		96.304.525
31	18	Công ty TNHH Nestle nợ tiền hàng,CT	131		178.843.940
31	18	Công ty TNHH Nestle nợ tiền hàng,CT	138		21.570.000
31	19	Kết chuyển doanh số bán hàng	911	3.472.878.288	
		<i>Cộng trang</i>		3.472.878.288	3.472.878.288

(Nguồn: Trích số liệu phòng kế toán Chi nhánh công ty CPTM & ĐTXDHP - 96 Quang Trung)

 Cho thuê văn phòng

Định kỳ hàng tháng Công ty TNHH Minh Phước trả tiền thuê văn phòng cho công ty.

Cuối tháng kế toán phản ánh doanh thu nhận được vào Sổ nhật ký chung , rồi phản ánh vào sổ cái TK 5113 và lập bảng cân đối số phát sinh.

VD:

Trích số liệu tháng 12 năm 2009

Tháng 12 Công ty TNHH Minh Phước nợ tiền thuê văn phòng là 20.000.000 đ (bao gồm thuế GTGT 10%)

HÓA ĐƠN				Mẫu số: 01GTKT - 3LL												
GIÁ TRỊ GIA TĂNG				LT/2009B												
Liên 3: Nội bộ				0024480												
Ngày 10 tháng 12 năm 2009																
Đơn vị bán hàng: Chi nhánh công ty Cổ Phần Thương Mại & Đầu Tư HP - 96 Quang Trung																
Địa chỉ: 96 Quang Trung - Hải Phòng																
Số tài khoản:																
Điện thoại:		MS:	0	2	0	0	1	2	9	7	4	8	—	0	0	5
Họ tên người mua hàng:																
Tên đơn vị: Công ty TNHH một thành viên Minh Phước																
Địa chỉ: 41 Điện Biên Phủ - Hải Phòng																
Số tài khoản:																
Hình thức thanh toán: CK		MS:	0	1	0	0	1	0	8	0	3	9	0	0	3	—
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ		Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá		Thành tiền								
A	B		C	1		2		3=1x2								
1	Cho thuê văn phòng							18.181.818								
	/															
Cộng tiền hàng:								18.181.818								
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:								1.818.182								
Tổng cộng tiền thanh toán								20.000.000								
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi triệu đồng chẵn ./.																
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)			Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)			Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)										

CHI NHÁNH CÔNG TY CP TMĐT & XD HP - 96 QUANG TRUNG

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6
....					
....					
HĐGTGT	31	Các khoản phải thu khác	138	20.000.000	
		Doanh thu dịch vụ	5113		18.181.818
		Thuế GTGT phải nộp	3331		1.818.182
		Cty TNHH 1 thành viên Minh Ph- ớc nợ tiền khoán quây			
....					
		Lũy kế phát sinh		26.648.348.290	26.648.348.290

(Nguồn: Trích số liệu phòng kế toán CN công ty CPTM & ĐTXDHP - 96 Quang Trung)

CHI NHÁNH CÔNG TY CP TMĐT & XD HP - 96 QUANG TRUNG

Sổ cái 5113:Doanh thu dịch vụ

Tháng 12 Năm 2009

Ngày vào sổ	Trang NKC	Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh	
				Nợ	Có
1	2	3	4	5	6
31	18	Cty TNHH 1 thành viên Minh Ph- ớc nợ tiền quây	138		18.181.818
31	19	Kết chuyển doanh thu dịch vụ	911	18.181.818	
		Cộng trang		18.181.818	18.181.818

(Nguồn: Trích số liệu phòng kế toán CN công ty CPTM & ĐTXDHP - 96 Quang Trung)

2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ:

Công ty không có các khoản giảm trừ doanh thu.

2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán:

Phương pháp tính giá hàng xuất: Nhập trước xuất trước

2.2.3.1. Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng:

♦ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan.

♦ Tài khoản sử dụng:

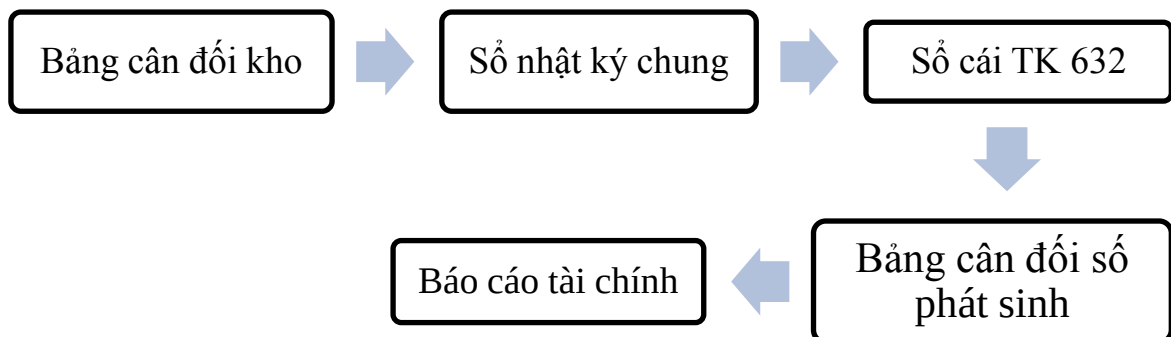
- TK 632: Giá vốn hàng hóa
- TK 156: Hàng tồn kho

♦ Sổ sách kế toán:

Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 632 và các sổ khác có liên quan

2.2.3.2. Trình tự hạch toán:

Sơ đồ 2.2.1.2 : Quy trình hạch toán Giá vốn hàng bán tại công ty



Cuối tháng bên hệ thống chuyển cho kế toán bảng kê hàng xuất, cùng với sổ theo dõi hàng khuyến mại kế toán tập hợp để lập bảng cân đối kho. Căn cứ vào bảng cân đối kho kế toán vào sổ nhật ký chung một lần và sau đó tiến hành bút toán kết chuyển giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh.

VD:

Trong tháng 12 trị giá hàng xuất là: 3.361.196.021 đồng

Từ bảng cân đối kho kế toán vào sổ nhật ký chung và sổ cái như sau:

CÂN ĐỐI KHO HÀNG THÁNG 12 NĂM 2009

Mã số	Tên hàng	Đơn vị		Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Cộng nhập		Bán ra		Tồn cuối kỳ	
		QC	Giá	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	T.Tiền
11351045	Coffemate Hg 400g	24	28.130	45	1.265.850	192	5.400.960	237	6.666.810	165	4.641.450	72	2.025.360
11351044	Coffemate Hg 200g	24	15.079	170	2.563.446	-	-	170	2.563.446	72	1.085.695	98	1.477.751
12116457	Milo nước uống liền 12x4x190ml	48	3.624	42.512	154.057.696	39.840	144.374.732	82.352	298.432.428	66.246	240.066.478	16.106	58.365.950
12108928	Milo UHT 12x4x190ml –NF2	12	14.495	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12114555	Milo hũ 12x400g	12	30.952	-	-	5.520	170.853.995	5.520	170.853.995	2.443	75.615.274	3.077	95.238.721
.....													
12092428	Nescafe café Viet HG	24	26.543	-	-	7.800	207.033.185	7.800	207.033.185	7.682	203.901.145	118	3.132.040
11350279	NCF hũ 200g +KM cofemate	12	58.817	4.033	237.209.943	-	-	4.033	237.209.943	203	11.939.900	3.830	225.270.043
11350158	Nescafe 3 in 1 đậm đà hơn HG	24	25.749	23.095	594.675.339	-	-	23.095	594.675.339	14.549	374.623.577	8.546	220.051.762
.....													
12112460	Trà chanh Nestea da vitamin HG	24	34.215	1.202	41.160.125	-	-	1.203	41.160.125	64	2.189.732	1.139	38.970.392
11350248	Trà chanh con lốc HG	24	17.195	255	4.384.845	-	-	255	4.384.845	227	3.903.372	28	481.473
12110197	Trà chanh HG 24(5*80g)	24	19.841	-	-	1.200	23.809.086	1.200	23.809.086	648	12.856.906	552	10.952.180
.....													
12086955	NAN HA2 021-3 Tin12x400g	12	108.245	233	25.221.182	-	-	233	25.221.182	180	19.484.175	53	5.737.007
12036849	NAN2 Bfds 12x900g	12	279.806	62	17.347.967	-	-	62	17.347.967	9	2.518.253	53	14.829.714
12066667	NAN I DHA BL NWBO19-2 HT 90	12	299.307	85	25.441.116	-	-	85	25.441.116	18	5.387.531	67	20.053.586
12049026	Nan 3BL DHA Probiotics HT 900g	12	270.012	49	13.230.600	-	-	49	13.230.600	-	-	49	13.230.600
12083631	Nan Pro BL HT 400g kênh y tế	24	103.091	-	-	1080	111.338.190	1.080	111.338.190	1.076	110.925.826	4	412.364
.....													
12062747	Pre nan B NW026 – 1HT 400g	12	121.218	132	16.000.743	60	7.273.065	192	23.273.808	121	14.667.348	71	8.606.460
11351000	ALL 110 12x400g kênh y tế	12	76.116	-	-	180	13.700.846	180	13.700.846	180	13.700.846	-	-

(Nguồn: Trích số liệu phòng kế toán CN công ty CPTM & ĐTXDHP - 96 Quang Trung)

CÂN ĐỐI KHO HÀNG THÁNG 12 NĂM 2009

Mã số	Tên hàng	Đơn vị		Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Cộng nhập		Bán ra		Tồn cuối kỳ	
		QC	Giá	SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền	S.l	T.Tiền
.....													
12041110	Nest gấu 1+ chất xơ tự nhiên 360g	24	41.975	982	41.218.985	-	-	982	41.218.985	337	14.145.415	645	27.073.570
12098062	Nest gấu 3+ chất xơ tự nhiên 360g	24	41.975	490	20.567.518	-	-	490	20.567.518	190	7.975.160	300	12.592.493
12041109	Nest gấu 3+ 900g	12	170.456	34	5.795.493	-	-	34	5.795.493	-	-	34	5.795.493
.....													
11351001	Lactogen 2 Prebio HG 350g	20	41.408	72	2.981.390	-	-	72	2.981.390	65	2.691.533	7	289.857
11350231	Lactogen 2 DHA HG 350g	20	32.302	130	4.199.234			130	4.199.234	120	3.876.216	10	323.018
.....													
12061021	Sữa ISOCAL POWDER 24*425	24	131.391	-	-	48	6.306.763	48	6.306.763	20	2.627.818	28	3.678.945
12001367	Sữa NUTREN FIBRE 24*400G	24	144.442	-	-	24	3.466.605	24	3.466.605	5	722.209	19	2.744.396
12105154	Bột NC lúa mì sữa 240g	20	27.689	440	12.183.199	-	-	440	12.183.199	290	8.029.836	150	4.153.363
11350265	NC trái cây DHA 24x200g	24	28.571	270	7.714.145	-	-	270	7.714.145	270	7.714.145	-	-
11350263	Nest ICRRice (gạo lứt) DHA 200g	20	27.689	282	7.808.325	-	-	282	7.808.325	185	5.122.482	97	2.685.842
.....													
12097011	Hạt nêm xương hầm 3 ngọt gà 70g	100	3.175	3.585	11.380.755	-	-	3.585	11.380.755	1.280	4.063.421	2.305	7.317.333
12118275	Hạt nêm xương hầm 3 ngọt gà 900g	8	35.714	-	-	14.400	514.275.570	14.400	514.275.570	10.159	362.814.272	4.241	151.461.298
12120448	Hạt nêm X/ hầm 3 ngọt heo 450g	3	58.200	-	-	1.128	65.649.600	1.128	65.649.600	1.122	65.300.400	6	349.200
12114820	Nước tương đậu nành đ đ 700ml	12	14.815	140	2.074.039	960	14.221.983	1.100	16.296.023	894	13.244.222	206	3.051.801
11351018	Đầu hào chai nhựa 24x350g	24	5.203	133	691.961	720	3.745.956	853	4.437.917	819	4.261.025	34	176.892
.....													
Cộng kênh truyền thống					3.102.631.290		2.653.889.091		5.756.520.309		2.997.136.822		2.759.383.487

(Nguồn: Trích số liệu phòng kế toán CN công ty CPTM & ĐTXDHP - 96 Quang Trung)

CÂN ĐỐI KHO HÀNG THÁNG 12 NĂM 2009

Mã số	Tên hàng	Đơn vị		Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Cộng nhập		Bán ra		Tồn cuối kỳ	
		QC	Giá	SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền	SL	T.Tiền
11350156	NCF 3 trong 1 đậm đà HG 24	24	25.749	41	1.055.713	-	-	41	1.055.713	41	1.055.713	-	-
11350241	NCF 3 trong 1 đậm đà bạch 10	10	73.191	128	9.368.431			128	9.368.431	70	5.123.361	58	4.245.070
12108086	NCF 3 trong 1 đậm đà bạch HG 24	24	25.749	-	-	1.200	30.898.913	1.200	30.898.913	432	11.123.619	768	19.775.304
12088571	NCF red cup cải tiến mùi hương	6	74.954	-	-	300	22.486.346	300	22.486.346	180	13.491.807	120	8.994.538
12106511	Nước tương đậu nành d d 700ml	12	14.815	201	2.977.728	600	8.888.740	801	11.866.468	653	9.673.912	148	2.192.556
12104960	MAG xương hầm bạch 6x2kg	6	76.718	90	6.904.630	180	13.809.259	270	20.713.889	150	11.507.716	120	9.206.173
12110612	NCF hương vị Việt túi nhỏ	24	63.932	233	14.896.115	-	-	233	14.896.115	89	5.689.933	144	9.206.183
12108928	Millo uống liền hộp 190ml	48	3.624	-	-	1.440	5.218.364	144	521.836	1.296	4.696.528		
12105751	Hạt nêm Maggi ngon ngon 6*2kg	6	74.954	-	-	300	22.486.346	300	22.486.346	180	13.491.807	120	8.994.538
11350247	Millo Protomalt nguyên chất	18	44.091	185	8.156.820	360	15.872.730	545	24.029.550	288	12.698.184	257	11.331.366
11350122	Millo 3.1 dây 60(10x15g)	60	8.113	10	81.127	300	2.433.817	310	2.514.945	60	486.763	250	2.028.181
12108067	Trà chanh Nestle Đa Vitamin HG	60	17.107	96	1.642.299	-	-	96	1.642.299	24	410.575	72	1.231.724
12043303	Bột kem pha cà phê Coffemate	24	28.130	51	1.434.630	360	10.126.800	411	11.561.430	264	7.426.320	147	4.135.110
.....													
12100398	Hạt nêm NN vị gà bạch 4x300g	4	108.905	116	12.632.930	2.900	315.823.245	3.016	328.456.175	2.025	220.531.749	991	107.924.426
12105946	Hạt nêm Maggi vị gà bạch 8x700g	8	52.027	-	-	560	29.135.279	560	29.135.279	8	416.218	552	28.719.061
11351017	Dầu hào chai nhựa 12x820g	12	20.282	793	16.083.540	1.320	26.772.097	2.113	42.855.637	2.113	42.855.637	-	-
.....													
Cộng kênh Food					118.554.099		490.389.590		608.943.689		364.059.199		244.884.490
Kênh truyền thống					3.102.631.290		2.653.889.091		5.756.520.309		2.997.136.822		2.759.383.487
Tổng cộng					3.221.185.389		3.144.278.609		6.365.463.998		3.361.196.021		3.004.267.977

(Nguồn: Trích số liệu phòng kế toán CN công ty CPTM & ĐTXDHP - 96 Quang Trung)

CHI NHÁNH CÔNG TY CP TMĐT & XD HP - 96 QUANG TRUNG

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 Năm 2009

Chứng từ		DIỄN GIẢI	Tài khoản	Số phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6
....					
CĐK	31	Giá vốn hàng bán	632	3.361.196.021	
		Hàng hoá	156		3.361.196.021
		Xuất giá vốn hàng bán ra			
....					
	31	Xác định kết quả kinh doanh	911	3.361.196.021	
		Giá vốn hàng bán	632		3.361.196.021
		K/chuyển giá vốn hàng bán ra			
....					
		Lũy kế phát sinh		26.648.348.290	26.648.348.290

(Nguồn: Trích số liệu phòng kế toán CN công ty CPTM & ĐTXDHP - 96 Quang Trung)

CHI NHÁNH CÔNG TY CPTMĐT & XD HP - CHDVTM 96 QUANG TRUNG

SỔ CÁI 632: GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tháng 12 Năm 2009

Ngày vào sổ	Trang NKC	DIỄN GIẢI	Tài khoản đối ứng	Phát sinh	
				Nợ	Có
1	2	3	4	5	6
31	18	Xuất giá vốn hàng bán	156	3.361.196.021	
31	19	Kết chuyển Giá vốn hàng bán	911		3.361.196.021
		Cộng trang		3.361.196.021	3.361.196.021

(Nguồn: Trích số liệu phòng kế toán CN công ty CPTM & ĐTXDHP - 96 Quang Trung)

2.2.4. Kế toán Chi phí bán hàng:

Để thực hiện quá trình bán hàng, Công ty cần có những khoản chi phí phục vụ cho việc bán hàng gọi chung là Chi phí bán hàng (CPBH)

Chi phí bán hàng tại đơn vị bao gồm:

- + Chi phí tiền lương cho nhân viên
- + Chi phí xăng dầu phục vụ cho việc bán hàng
- + Phí khi đi nộp tiền
- + Chi phí mua hoá đơn
- + Chi phí thuê kho
- + Chi phí dịch vụ mua ngoài như: điện, nước, văn phòng phẩm..

2.2.4.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng:

✦ Chứng từ sử dụng:

- + Hoá đơn, hợp đồng dịch vụ mua ngoài
- + Phiếu chi và các chứng từ có liên quan.

✦ Tài khoản sử dụng:

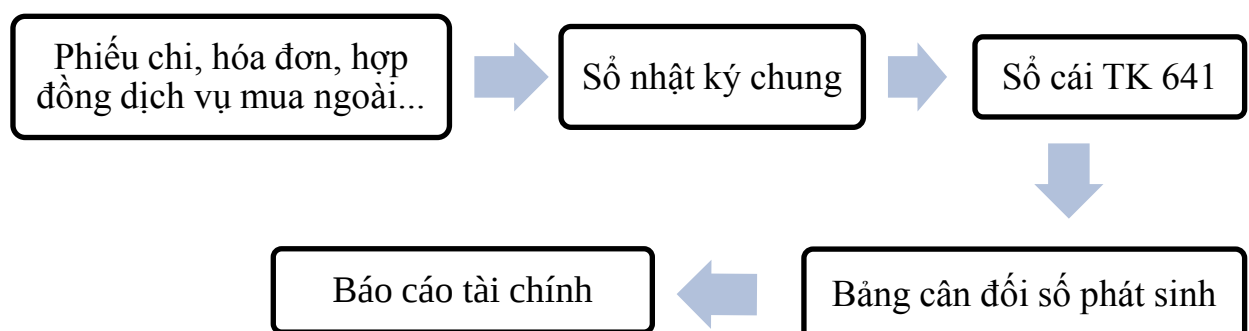
Kế toán sử dụng TK 641 và các TK có liên quan như: 111, 336, 3388, 3387, 3382, 112,...

✦ Sổ sách kế toán:

Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 641 và các sổ khác có liên quan

2.2.4.2. Trình tự hạch toán:

Sơ đồ 2.2.1.2 : Quy trình hạch toán Chi phí bán hàng tại công ty



Trong kỳ có các nghiệp vụ liên quan đến CPBH đều được kế toán tổng hợp và ghi chép vào sổ Nhật ký chung. Cuối tháng kế toán căn cứ vào Sổ nhật ký chung vào sổ cái TK 641.

Kế toán vào sổ cái theo cách cộng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan đến TK 641 trong một trang sổ nhật ký chung rồi vào sổ cái theo số đã tổng hợp một lần.

VD:

Phân bổ quỹ tiền lương: 20.053.746 đồng (Bảng lương)

Ngày 4/12/2009: Thanh toán tiền mua giấy A4 cho Ông Dũng với tổng số tiền 2.000.000 đồng bao gồm VAT 10%. (Phiếu chi số 04)

Ngày 10/12/2009: Ngân hàng thu phí chuyển tiền với tổng số tiền là 142.500 đồng (VAT 10%) (Phiếu thu dịch vụ)

PHIẾU CHI Số 04/12
Ngày 04 tháng 12 năm 2009
Nợ.....
Có.....

Mẫu số 02 - TT
QĐ số : 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006
của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

Họ và tên người nhận tiền: Vũ Văn Dũng

Địa chỉ: 96 Quang Trung

Lý do chi: Thanh toán tiền mua giấy A4

Số tiền: 2.000.000 đồng.....(Viết bằng chữ): Hai triệu đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền:

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Thủ quỹ Người nhận tiền

(Nguồn: Phòng kế toán CN công ty CPTM & ĐTXDHP - 96 Quang Trung)

Ngân Hàng TMCP A Châu

Ký hiệu: HD/2009T

Chi nhánh: ACB – PGD TRAN NGUYEN HAN

Số hóa đơn: 643 4690B002 8739

Mã số thuế: 0301452948-029

Mã GDV: HIENNTSHA

Số GD: 93

Lien: 2

PHIEU THU DỊCH VỤ - VND

(Chuyên khoản)

10-12-2009

Chu tài khoản: CNCTY CPTM DT&XD HP – CHDVTM 96 Q. TRUNG **Mã KH: 33836**

Địa chỉ: 96 Phố QUANG TRUNG P. PHAN BOI CHAU Quận Hồng Bàng Tp. Hải Phòng

Số tài khoản: 13248089

Mã số thuế: 0200129748-005

Nội dung: THU PHI CT

Số tiền phí: **129,545.00 VND**

Thuế GTGT(10%): **12,955.00 VND**

Tổng cộng **Bảng số: 142,500.00 VND**

tiền thanh toán **Bảng chữ: MỘT TRĂM BỐN MƯƠI HAI NGÀN NAM TRĂM ĐỒNG CHAN**

Giao dịch viên

Kiểm soát

Trưởng phòng

(Nguồn: Phòng kế toán CN công ty CPTM & ĐTXDHP - 96 Quang Trung)

CN Công ty CP TMĐT & XD HP

Cửa hàng DVTM 96 Quang Trung

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG

Tháng 12 năm 2009

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức danh nghề nghiệp	Hệ số mức l-ong cấp bậc chức vụ	Ngày công	TỔNG TIỀN L- ONG VÀ THU NHẬP Đ- ỢC NHẬN						CÁC KHOẢN PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH				TIỀN L- ONG VÀ THU NHẬP ĐƯỢC LĨNH	
					Tiền l-ong theo đơn giá, l-ong khoán hoặc l-ong cấp bậc, chức vụ	Các khoản phụ cấp và chế độ khác không tính trong đơn giá	Long thêm giờ	Tiền BHXH trả thay l-ong (L-ong thời gian)	Các khoản khác	Tổng cộng	Chia ra				Tiền (đồng)	Ký nhận
											BHXH	BHYT	BH thất nghiệp	Tổng cộng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Phan Thanh Hằng	GD CH	3,89	27	2.878.600	296.000		2.989.315	200.000	3.485.315	139.425	27.885	27.885	195.195	3.290.120	
2	Phạm Thanh Giang	P GD	3,89	27	2.878.600	222.000		2.989.315	200.000	3.411.315	136.175	27.235	27.235	190.645	3.220.670	
3	Hoàng Thị Ph-ong	TT kế toán	2,96		2.190.400			0		0					0	
4	Trần H-ong Thuý	NVHT	2,34	27	1.731.600			2.700.000	200.000	2.900.000	76.050	15.210	15.210	106.470	2.793.530	
5	Bùi Thị Thu H-ong	NVHT	3,27	27	2.419.800			2.512.869	200.000	2.712.869	106.275	21.255	21.255	148.785	2.564.084	
6	Phan Thị Biển	P.kho+TQ	2,65	27	1.961.000	74.000	100.000	2.036.423	200.000	2.410.423	86.125	17.225	17.225	120.575	2.289.848	
7	Nguyễn Văn Quang	Lái xe	3,25	27	2.405.000			2.497.500	200.000	2.697.500	105.625	21.125	21.125	147.875	2.549.625	
8	Hoàng Kim Thanh	Thủ kho	2,78	27	2.057.200		100.000	2.136.323	200.000	2.436.323	90.350	18.070	18.070	126.490	2.309.833	
	Tổng cộng		25,03		14.517.400	592.000	200.000	17.861.746	1.400.000	20.053.746	740.025	148.005	148.005	1.036.035	19.017.711	

PHÒNG TC CÔNG TY

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC CỬA HÀNG

CHI NHÁNH CÔNG TY CP TMĐT & XD HP - 96 QUANG TRUNG

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 Năm 2009

Chứng từ		DIỄN GIẢI	Tài khoản	Số phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6
....					
3c	3	Chi phí bán hàng	641	6.080.000	
		Tiền mặt	111		6.080.000
		Thanh toán tiền CT KM NC - Bà Biển			
4c	4	Chi phí bán hàng	641	1.904.762	
		Thuế GTGT đọc khấu trừ	133	95.238	
		Tiền mặt	111		2.000.000
		Thanh toán tiền mua giấy A4- Ông Dũng			
....					
6c	5	Chi phí bán hàng	641	223.379	
		Thuế GTGT đọc khấu trừ	133	22.338	
		Tiền mặt	111		245.717
		Thanh toán tiền chuyển fax nhanh- Ông Hồng			
7c	5	Chi phí bán hàng	641	15.200	
		Tiền mặt	111		15.200
		Thanh toán tiền mua hoá đơn GTGT - Bà Giang			
8c	5	Chi phí bán hàng	641	283.832	
		Thuế GTGT đọc khấu trừ	133	28.168	
		Tiền mặt	111		312.000
		Thanh toán tiền dầu nhớt- Ông Quang			
....					
PTPDV	10	Chi phí bán hàng	641	129.545	
		Thuế GTGT đọc khấu trừ	133	12.955	
		Tiền gửi ngân hàng	112ACB		142.500
		Ngân hàng thu phí kiểm đếm			
....					
BL	31	Chi phí bán hàng	641	20.053.746	
		Phải trả cho người lao động	334		20.053.746
		Phân bổ quỹ tiền l- ơng			
....					
	31	Xác định kết quả kinh doanh	911	90.313.276	
		Chi phí bán hàng	641		90.313.276
		Kết chuyển chi phí bán hàng			
....					
		Lũy kế phát sinh		26.648.348.290	26.648.348.290

(Nguồn: Trích số liệu phòng kế toán CN công ty CPTM & ĐTXDHP - 96 Quang Trung)

CHI NHÁNH CÔNG TY CP TMĐT & XD HP - 96 QUANG TRUNG

SỔ CÁI 641: CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Tháng 12 Năm 2009

Ngày vào số	Trang NKC	DIỄN GIẢI	Tài khoản đối ứng	Phát sinh	
				Nợ	Có
1	2	3	4	5	6
...	...				
5	2	Thanh toán tiền mua hoá đơn GTGT & tiền CT KM NC	111	6.095.200	
5	2	Thanh toán tiền mua giấy A4, chuyển fax nhanh, dầu nhớt	111	2.411.973	
14	4	Thanh toán tiền mua phô tô chứng từ	111	99.000	
...	...				
31	8	Thanh toán tiền thuê kho, tiền điện, sửa chữa máy in	111	12.067.044	
31	9	Thanh toán tiền bảo vệ đêm, bốc vác, long HĐ, TB Maggi, vị trí đẹp	111	22.913.200	
31	10	Thanh toán tiền long OM & tiền thông điện thoại	111	3.144.058	
31	10	Ngân hàng thu phí chuyển tiền	112ACB	129.545	
...	...				
31	17	Phân bổ quỹ tiền long	334	20.053.746	
		Kết chuyển chi phí bán hàng	911		90.313.276
		Cộng trang		90.313.276	90.313.276

(Nguồn: Trích số liệu phòng kế toán Chi nhánh công ty CPTM & ĐTXDHP - 96 Quang Trung)

2.2.5. Kế toán hoạt động tài chính:

2.2.5.1. Kế toán Doanh thu hoạt động tài chính

♦ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng

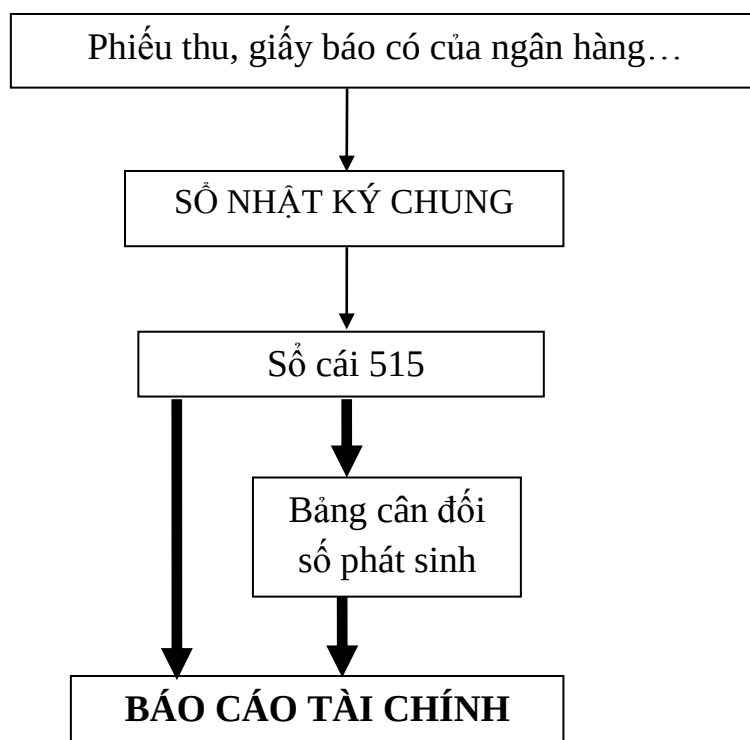
♦ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 515: Doanh thu tài chính
- TK 112 – ACB: Tiền gửi ngân hàng ACB

♦ **Sổ sách kế toán:**

Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 515 và các sổ khác có liên quan

♦ **Trình tự hạch toán:**



Hàng tháng Ngân hàng ACB trả lãi tiền gửi cho công ty

VD:

Ngày 25/12/2009, Ngân hàng trả lãi tiền gửi số tiền là: 1.086.995 đồng (Bảng kê giao dịch trong ngày)

Ngày 31/12/2009, được hưởng tiền thưởng điện thoại tháng 11 là: 288.116 đồng (phiếu thu số 49)

Page: 1 of 1

Account Number: 13248089

Statement Date: 05-01-2010

Number of Checks: 0

---- Orgnbr : 33836

CNCTY CPTM DT & XD HP-CH DVTM 96 Q.TRUNG

---- So nha 96

---- Pho QUANG TRUNG

P.PHAN BOI CHAU Quan Hong Bang

BANG KE GD - TGTT KHTN (TO CHUC) VND Checking 13248089

Tu ngay : 25-12-2009

Den ngay : 25-12-2009

So du dau	+ Gui vao (lai nhap von)	- Rut ra	- Phi	So du cuoi
498,845,308.00	131,286,995.00	1,086,995.00	0.00	630,132,303.00

Ngày	Diễn giải	Ghi no	Ghi co	So du
31-12	So Du Dau			498,845,308.00
31-12	##PHAN THI NIEN##NOP TK#		70,200,000.00	569,045,308.00
31-12	CTY TNHH MTV MINH PHUOC-CHUYEN TIEN##		60,000,000.00	629,045,308.00
31-12	###Lai nhap von#		1,086,995.00	630,132,303.00

GIAO DICH VIEN

PHIẾU THU Số 49/12

Ngày 07 tháng 12 năm 2009

Nợ.....

Có.....

Mẫu số 01 - TT

QĐ số : 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20 tháng 3 năm 2006

của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

Họ và tên người nộp tiền: Phan Thị Biễn

Địa chỉ: 96 Quang Trung

Lý do nộp: Nộp tiền thưởng điện thoại tháng 11

Số tiền: 288.116 đồng.....(Viết bằng chữ)Hai trăm tám tám nghìn một trăm mười sáu đồng ./.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền:

Ngày 07 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

Thủ quỹ

Người nhận tiền

CHI NHÁNH CÔNG TY CP TMĐT & XD HP - 96 QUANG TRUNG

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 Năm 2009

Chứng từ		DIỄN GIẢI	Tài khoản	Số phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6
....					
BK	25	Tiền gửi ngân hàng	112ACB	1,086,995	
		Thu nhập tài chính	515		1,086,995
		Ngân hàng lãi nhập vốn			
....					
49t	31	Tiền mặt	111	288,116	
		Thu nhập tài chính	515		288,116
		Tiền th- ồng điện thoại tháng 11/09			
....					
	31	Xác định kết quả kinh doanh	515	1,375,111	
		Chi phí bán hàng	911		1,375,111
		Kết chuyển chi phí bán hàng			
....					
		Lũy kế phát sinh		26,648,348,290	26,648,348,290

(Nguồn: Số liệu phòng kế toán Chi nhánh công ty CPTM & ĐTXDHP - 96 Quang Trung)

CHI NHÁNH CÔNG TY CP TMĐT & XD HP - 96 QUANG TRUNG

SỔ CÁI 515: THU NHẬP TÀI CHÍNH

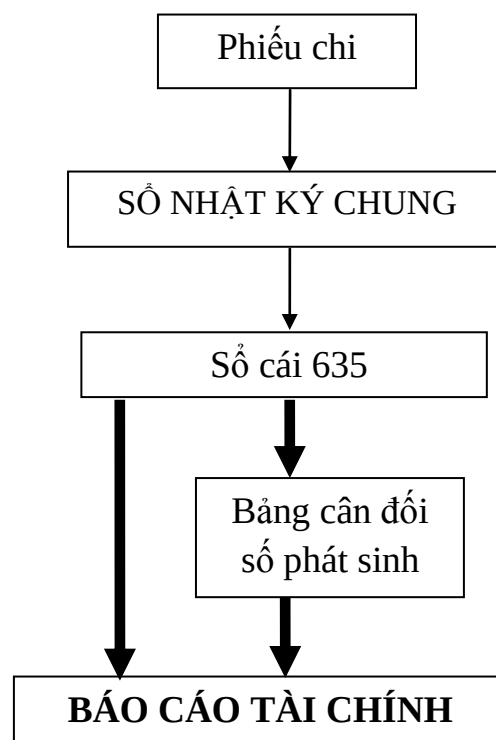
Tháng 12 Năm 2009

Ngày vào sổ	Trang NKC	DIỄN GIẢI	Tài khoản đối ứng	Phát sinh	
				Nợ	Có
1	2	3	4	5	6
31	10	Thu tiền thông điện thoại	111		288,116
31	13	Ngân hàng ACB trả tiền lãi nhập vốn	112ACB		1,086,995
31	19	Kết chuyển Thu nhập tài chính	911	1,375,111	
		Cộng trang		1,375,111	1,375,111

(Nguồn: Số liệu phòng kế toán Chi nhánh công ty CPTM & ĐTXDHP - 96 Quang Trung)

2.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính:

- ♦ **Chứng từ sử dụng:** Phiếu chi
- ♦ **Tài khoản sử dụng:**
 - TK 635: Chi phí tài chính
 - TK 111: Tiền mặt
- ♦ **Sổ sách kế toán:**
Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 635 và các sổ khác có liên quan
- ♦ **Trình tự hạch toán:**
Sơ đồ 2.2.5.2: Quy trình hạch toán chi phí hoạt động tài chính



Hàng tháng công ty trả tiền lãi vốn góp huy động

Trong tháng 12 số tiền lãi phải trả là: 39.492.000 đồng

Căn cứ vào Bảng kê tính tiền lãi vốn góp huy động, kế toán viết phiếu chi số 62. Từ phiếu chi kế toán vào sổ Nhật ký chung, căn cứ vào sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 635.

PHIẾU CHI Số 62/12

Mẫu số 01 - TT

Ngày 07 tháng 12 năm 2009

QĐ số : 15/2006/QĐ-BTC

Nợ.....

ngày 20 tháng 3 năm 2006

Có.....

của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

Họ và tên người nhận tiền: Phan Thị Biền

Địa chỉ: 96 Quang Trung

Lý do nộp: Chi tiền lãi góp vốn huy động

Số tiền: 39.492.000 đồng.....(Viết bằng chữ): Ba mươi chín triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn đồng chẵn ./.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền:

Ngày 07 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Thủ quỹ Người nhận tiền

CHI NHÁNH CÔNG TY CP TMĐT & XD HP - 96 QUANG TRUNG

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 Năm 2009

Chứng từ		DIỄN GIẢI	Tài khoản	Số phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6
....					
....					
62c	31	Chi phí tài chính(Lãi vay)	635	39,492,000	
		Tiền mặt	111		39,492,000
		Thanh toán tiền lãi góp vốn huy động- Bà Biền			
....					
	31	Xác định kết quả kinh doanh	911	39,492,000	
		Chi phí bán hàng	635		39,492,000
		Kết chuyển chi phí bán hàng			
....					
		Lũy kế phát sinh		26,648,348,290	26,648,348,290

(Nguồn: Trích số liệu phòng kế toán Chi nhánh công ty CPTM & ĐTXDHP - 96 Quang Trung)

CHI NHÁNH CÔNG TY CP TMĐT & XD HP - 96 QUANG TRUNG**SỔ CÁI 635:CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (LÃI VAY)***Tháng 9 Năm 2009*

<i>Ngày vào số</i>	<i>Trang NKC</i>	<i>DIỄN GIẢI</i>	<i>Tài khoản đối ứng</i>	<i>Phát sinh</i>	
				<i>Nợ</i>	<i>Có</i>
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
31	15	Thanh toán tiền lãi góp vốn huy động	111	39,492,000	
31	19	Kết chuyển chi phí tài chính	911		39,492,000
		Cộng trang		39,492,000	39,492,000

(Nguồn: Trích số liệu phòng kế toán Chi nhánh công ty CPTM & ĐTXDHP - 96 Quang Trung)

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi tiến hành Hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải qua tâm đến hiệu quả và kết quả kinh doanh của mình.

Nội dung của kết quả kinh doanh tại công ty bao gồm:

- + Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- + Kết quả hoạt động tài chính.

Định kỳ cuối tháng kế toán kết chuyển các nghiệp vụ phát sinh chi phí và doanh thu để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ vào Sổ Nhật ký chung, rồi vào Sổ cái TK 911,421

Định kỳ cuối quý kế toán tổng hợp số liệu kế toán để xác định kết quả kinh doanh của quý và cả năm rồi lập báo cáo tài chính.

Để xác định kết quả kinh doanh kế toán sử dụng TK sau:

- + TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh: Tài khoản này phản ánh kết quả kinh doanh của công ty trong kỳ hạch toán.
- + TK 421– Lợi nhuận chưa phân phối: Tài khoản này phản ánh kết quả kinh doanh lãi hay lỗ của doanh nghiệp.

2.2.6.1. Xác định kết quả bán hàng và cung cấp dịch vụ

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Kết quả bán hàng và cung} & & \text{Doanh thu} & & & & \text{Chi phí} \\ \text{cấp dịch vụ} & = & \text{thuần} & - & \text{Giá vốn} & - & \text{bán hàng} \end{array}$$

Trong tháng 12, công ty không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu, nên
Doanh thu thuần = Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Cuối tháng kế toán căn cứ vào các số liệu đã tổng hợp ở sổ, thẻ chi tiết và tổng hợp đối chiếu với các sổ cái để tiến hành kết chuyển.

- Kết chuyển doanh thu bán hàng:

Nợ TK 5111: 3.472.878.288

Có TK 911: 3.472.878.288

- Kết chuyển doanh thu dịch vụ:

Nợ TK 5113: 18.181.818

Có TK 911: 18.181.818

- Kết chuyển giá vốn hàng bán:

Nợ TK 911: 3.361.196.021

Có TK 632: 3.361.196.021

- Kết chuyển chi phí bán hàng:

Nợ TK 911: 90.313.276

Có TK 641: 90.313.276

Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ là: 39.550.809 đồng

2.2.6.2. Xác định kết quả hoạt động tài chính

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Kết quả hoạt động tài chính} & = & \text{Doanh thu hoạt} & & & & \text{Chi phí hoạt động} \\ & & \text{động tài chính} & - & & & \text{tài chính} \end{array}$$

Cuối tháng kế toán căn cứ vào các số liệu đã tổng hợp ở sổ, thẻ chi tiết và tổng hợp đối chiếu với các sổ cái để tiến hành kết chuyển.

- Kết chuyển thu nhập tài chính:

Nợ TK 515: 1.375.111

Có TK 911: 1.375.111

- Kết chuyển chi phí tài chính:

Nợ TK 911: 39.492.000

Có TK 635: 39.492.000

Kết quả hoạt động tài chính là: (38.116.889 đồng)

2.2.6.3. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh:

Kết quả hoạt động kinh doanh (LN trước thuế) = Kết quả bán hàng và cung cấp dịch vụ + Kết quả hoạt động tài chính

Lợi nhuận trước thuế là: $39.550.809 - 38.116.889 = 1.433.920$ đồng

Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận trước thuế - Chi phí thuế thu nhập DN

Hàng tháng Tổng công ty tổng hợp kết quả kinh doanh (lợi nhuận trước thuế) của các chi nhánh để tính ra thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp chung cho toàn công ty. Vì vậy Chi nhánh 96 Quang Trung không có thuế thu nhập doanh nghiệp, nên Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận trước thuế = 1.433.920 đồng

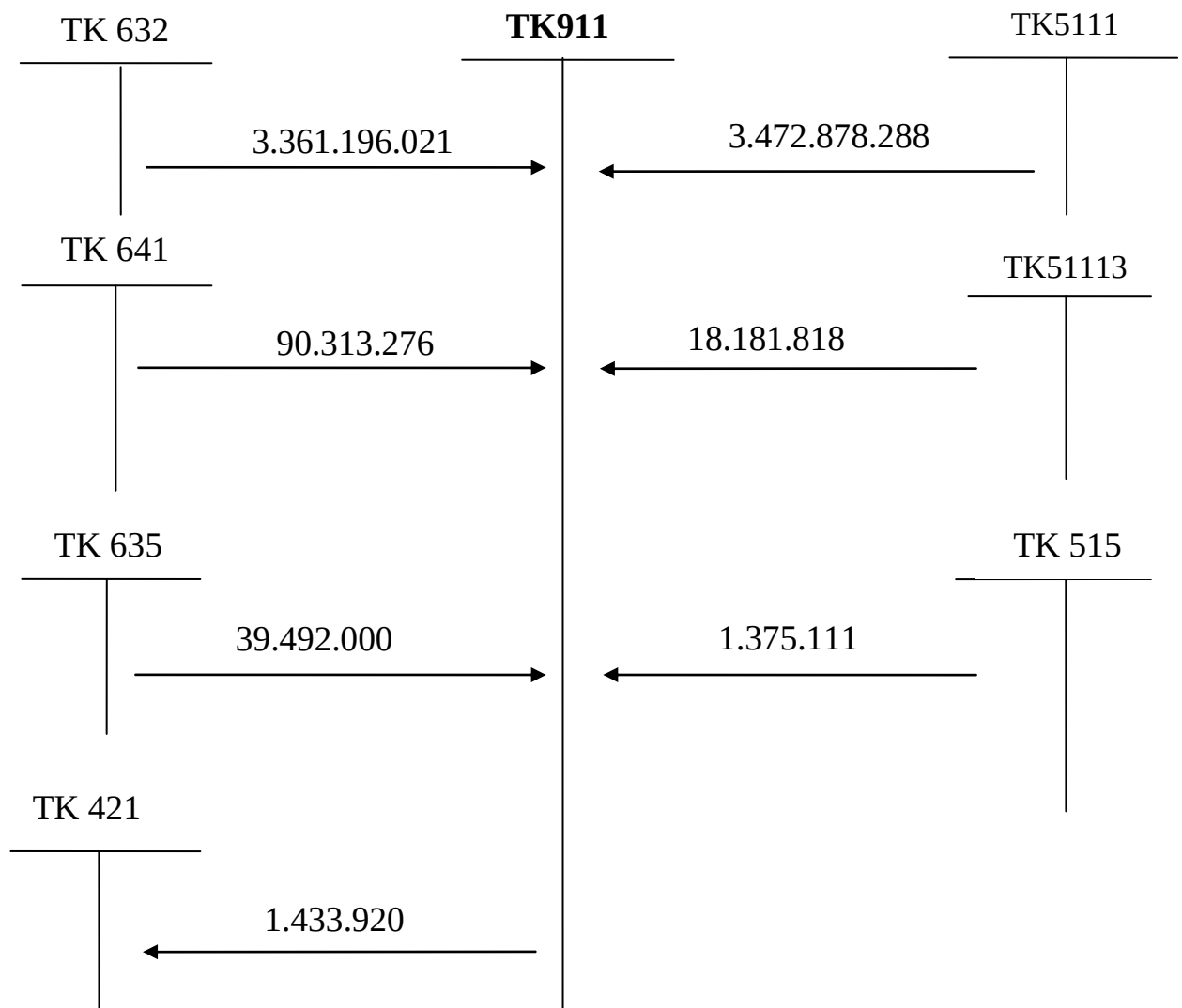
Sau khi cân đối số phát sinh hai bên Nợ, Có của TK 911 kế toán tiến hành chuyển lãi sang TK 421 theo định khoản:

Nợ TK 911: 1.433.920

Có TK 421: 1.433.920

Toàn bộ quy trình tính toán và kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.2.6.3: Quy trình xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong tháng 12



CHI NHÁNH CÔNG TY CP TMĐT & XD HP - 96 QUANG TRUNG

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 Năm 2009

Chứng từ		DIỄN GIẢI	Tài khoản	Số phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
1	2	3	4	5	6
		Trang trước chuyển sang		19.314.371.855	19.314.371.855
	31	Doanh thu bán hàng	3331	349.106.001	
		Xác định kết quả kinh doanh	133		349.106.001
		Kết chuyển Thuế GTGT			
	31	Doanh thu bán hàng	5111	3.472.878.288	
		Xác định kết quả kinh doanh	911		3.472.878.288
		Kết chuyển doanh số bán hàng			
	31	Doanh thu dịch vụ	5113	18.181.818	
		Xác định kết quả kinh doanh	911		18.181.818
		Kết chuyển doanh số bán hàng			
	31	Thu nhập tài chính	515	1.375.111	
		Xác định kết quả kinh doanh	911		1.375.111
		Kết chuyển thu nhập tài chính			
	31	Xác định kết quả kinh doanh	911	3.361.196.021	
		Giá vốn hàng bán	632		3.361.196.021
		Kết chuyển giá vốn hàng bán ra			
	31	Xác định kết quả kinh doanh	911	39.492.000	
		Chi phí tài chính(Lãi vay)	635		39.492.000
		Kết chuyển chi phí tài chính (Lãi vay)			
	31	Xác định kết quả kinh doanh	911	90.313.276	
		Chi phí bán hàng	641		90.313.276
		Kết chuyển chi phí bán hàng			
	31	Xác định kết quả kinh doanh	911	1.433.920	
		Lợi nhuận chia phân phối năm nay	4212		1.433.920
		Kết chuyển lãi			
		Cộng trang		7.333.976.435	7.333.976.435
		Luỹ kế phát sinh		26.648.348.290	26.648.348.290

(Nguồn: Trích số liệu phòng kế toán Chi nhánh công ty CPTM & ĐTXDHP - 96 Quang Trung)

CHI NHÁNH CÔNG TY CP TMĐT & XD HP - 96 QUANG TRUNG

SỔ CÁI 911: XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

Tháng 12 Năm 2009

Ngày vào sổ	Trang NKC	DIỄN GIẢI	Tài khoản đối ứng	Phát sinh	
				Nợ	Có
1	2	3	4	5	6
31	19	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	3.361.196.021	
31	19	kết chuyển chi phí bán hàng	641	90.313.276	
31	19	Kết chuyển chi phí tài chính	635	39.492.000	
31	19	Kết chuyển thu nhập tài chính	515		1.375.111
31	19	Kết chuyển doanh thu bán hàng	5111		3.472.878.288
31	19	Kết chuyển doanh thu dịch vụ	5113		18.181.818
31	19	Kết chuyển lãi	4212	1.433.920	
		Cộng trang		3.492.435.217	3.492.435.217

(Nguồn: Trích số liệu phòng kế toán CN công ty CPTM & ĐTXDHP - 96 Quang Trung)

CHI NHÁNH CÔNG TY CP TMĐT & XD HP - 96 QUANG TRUNG

SỔ CÁI 4212:LỢI NHUẬN CHA PHÂN PHỐI NĂM NAY

Tháng 12 Năm 2009

Ngày vào sổ	Trang NKC	DIỄN GIẢI	Tài khoản đối ứng	Phát sinh		Số d
				Nợ	Có	Có
1	2	3	4	5	6	7
		Số d đầu kỳ				8.583.394
30	19	Kết chuyển lãi	911		1.433.920	10.017.314
						10.017.314
		Cộng trang		-	1.433.920	

(Nguồn: Trích số liệu phòng kế toán CN công ty CPTM & ĐTXDHP - 96 Quang Trung)

CHƯƠNG III:

MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HP – 96 QUANG TRUNG

3.1. Nhận xét, đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Chi nhánh công ty Cổ Phần Thương Mại & Đầu Tư Xây Dựng HP - 96 Quang Trung.

Trong thời gian thực tập tìm hiểu thực tế về công tác kế toán tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán tại công ty đã tuân thủ đúng chế độ của Nhà nước tương đối đúng đắn và phù hợp với điều kiện kinh doanh của công ty. Hiện nay trong quá trình hạch toán cũng không cứng nhắc, dập khuôn mà luôn được cải tiến cho phù hợp với điều kiện và đặc điểm kinh doanh của công ty, dựa trên cơ sở chế độ kế toán hiện hành. Tuy nhiên chế độ kế toán tại công ty vẫn chưa hoàn toàn hợp lý.

3.1.1. Ưu điểm:

Cùng với sự phát triển của đất nước, Chi nhánh công ty Cổ Phần Thương Mại & Đầu Tư Xây Dựng HP – 96 Quang Trung, đã không ngừng phấn đấu để đạt được mục tiêu phát triển nhanh và bền vững. Bộ máy quản lý nói chung và bộ phận kế toán nói riêng, đặc biệt là khâu kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không ngừng được hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu kinh doanh.

❖ *Ưu điểm về công tác kế toán nói chung:*

- Nhìn chung công tác kế toán ở công ty đã dựa trên căn cứ khoa học, làm kế toán Excel trên máy vi tính, tránh ghi chép thủ công mất nhiều thời gian, chi phí tốn kém. Đảm bảo được tính thống nhất về mặt phạm vi, phương pháp kế toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận khác có liên quan.
- Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty gọn nhẹ. Quy trình làm việc của bộ máy kế toán khoa học, hợp lý, đội ngũ cán bộ kế toán là người có kinh nghiệm, chuyên môn, nhiệt tình và sáng tạo trong công việc.
- Về trình tự hạch toán: Kế toán công ty đã áp dụng trình tự hạch toán theo đúng chuẩn mực kế toán đã ban hành của BTC. Điều đó giúp cho việc ghi sổ kế toán được phù hợp, nhanh chóng, chính xác, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được đúng đắn, kịp thời, thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu.

- Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm và điều kiện hiện tại của công ty. Quy định mở và ghi chép trên Sổ Nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết tương đối chặt chẽ và khoa học, đã kết hợp rộng rãi việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

- Công ty luôn chấp hành đúng chính sách, chế độ kế toán tài chính của Nhà nước, các chính sách giá, thuế, tổ chức mở sổ kế toán một cách phù hợp để phản ánh tình hình biến động của Doanh thu, chi phí

- Tổ chức công tác hạch toán ban đầu: Các chứng từ được lập tại công ty đều phù hợp với yêu cầu kinh tế phát sinh và yêu cầu pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ được lập ở tất cả các khâu đều có đầy đủ chữ ký đại diện của các bên có liên quan, và một số sử dụng theo đúng mẫu quy định của BTC mới ban hành theo quyết định QĐ 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC. Trước khi đưa vào lưu trữ tất cả các chứng từ được sắp xếp, phân loại hệ thống theo nghiệp vụ kinh tế phát sinh và theo thứ tự thời gian. Với hệ thống chứng từ như vậy, đã giúp cho quá trình luân chuyển chứng từ được dễ dàng hơn, tạo điều kiện cho việc ghi sổ kế toán, đảm bảo cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác.

❖ *Ưu điểm về công tác Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:*

- Bộ máy kế toán của công ty phù hợp với quy mô kinh doanh của công ty. Việc phân công lao động kế toán được đẩy mạnh và dần đi vào hiệu quả. Kế toán các bộ phận và kế toán tổng hợp có sự phối hợp nhịp nhàng với nhau và hỗ trợ nhau trong công tác kế toán. Kế toán luôn đảm bảo cung cấp thông tin một cách kịp thời chính xác cho ban giám đốc.

- Kế toán đã phản ánh tương đối đầy đủ các hoạt động kinh tế diễn ra liên quan đến doanh thu, chi phí, qua đó theo dõi chi tiết tình hình kinh doanh của từng tháng, từng quý, từng năm.

- Sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được ghi chép rõ ràng phản ánh cả số liệu chi tiết và số liệu tổng hợp; có kế hoạch quản lý chặt chẽ chỉ tiêu doanh thu, chi phí và kết quả tại đơn vị.

- Phần kế toán tổng hợp, công ty có mở thêm các báo cáo nên việc theo dõi đối chiếu, chuyển sổ hợp lý hơn.

3.1.2. Một số tồn tại cần hoàn thiện:

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên công tác kế toán tại Chi nhánh công ty Cổ Phần Thương Mại & Đầu Tư Xây Dựng HP – 96 Quang Trung, còn những tồn tại cần khắc phục.

- Hiện nay mặc dù phòng kế toán được trang bị đầy đủ máy vi tính, nhưng kế toán vẫn chưa áp dụng hệ thống phần mềm kế toán để quản lý. Vì vậy đôi lúc chưa xử lý nhanh được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc có sự nhầm lẫn về số liệu. Để phát huy tác dụng của máy vi tính hơn nữa trong việc quản lý và giảm bớt khối lượng của công việc kế toán, công ty nên áp dụng kế toán máy, phần mềm kế toán như: Misa, Fast, Admin...

- Chi phí bán hàng tại công ty bao gồm toàn bộ chi phí trong quá trình kinh doanh, kế toán không theo dõi tách biệt các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, mà hạch toán chung trên TK 641 – Chi phí bán hàng.

- Mẫu sổ (Sổ cái) trong hạch toán kế toán chưa thật hợp lý. Ví dụ với sổ cái TK 331 – Phải trả người bán..

- Hạch toán nhầm lẫn giữa doanh thu tài chính và thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ Phần Thương Mại & Đầu Tư Xây Dựng HP – 96 Quang Trung:

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Đối với Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp vì nó có vai trò rất quan trọng.

Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thể hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, hiệu quả hay không hiệu quả. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ, lãnh đạo điều chỉnh hoạt động kinh doanh của mình, để tăng doanh thu và hạ chi phí. Mặt khác, xác định được mục tiêu, chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng.

3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện:

Phương hướng hoàn thiện kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, muốn có tính khả thi cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán. Mỗi quốc gia đều phải có một cơ chế quản lý tài chính và xây dựng một hệ thống kế toán thống nhất phù hợp với cơ chế tài chính. Việc tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc phải dập khuôn hoàn toàn theo chế độ nhưng trong khuôn khổ phải tôn trọng chế độ, tôn trọng cơ chế.
- Hoàn thiện trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp bắt buộc phải áp dụng chế độ chuẩn mực kế toán nhưng được quyền sửa đổi trong một phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.
- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.
- Trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh em xin được nêu ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công ty.

3.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Mục tiêu hàng đầu của bất kỳ doanh nghiệp nào cũng là tối đa hóa lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu đó thì thực hiện tốt khâu bán hàng là rất quan trọng. Nó không ngừng góp phần tạo doanh thu cho công ty mà còn khẳng định được vị thế của mình trên thị trường, góp phần phát triển kinh tế nước nhà.

Sau thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại Chi nhánh Công ty Cổ Phần Thương Mại & Đầu Tư Xây Dựng HP – 96 Quang Trung, dưới góc độ là một sinh viên em mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến nhỏ về công tác kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Ý kiến 1: Việc hiện đại hóa công tác kế toán và đội ngũ kế toán

Tại Chi nhánh công ty Cổ Phần Thương Mại Đầu Tư & Xây Dựng HP – 96 Quang Trung, công tác kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính dùng để soạn thảo, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel để làm sổ, tuy nhiên vẫn không tránh khỏi những sai sót khi xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Vì vậy công ty nên trang bị máy tính có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế của công ty.

Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm.

Công ty có thể mua các phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán MISA của công ty cổ phần MISA.
- Phần mềm kế toán SAS INNOVA.
- Phần mềm kế toán FAST BOOK...

Khi ứng dụng được phần mềm này, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời. Cuối kỳ các bút toán kết chuyển cần thiết nhập vào máy tự máy xử lý và hạch toán sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu chủ doanh nghiệp, giám đốc, kế toán trưởng, người sử dụng máy sẽ báo với máy những yêu cầu cần thiết (Sổ cái, báo cáo tài chính) máy sẽ tự xử lý và đưa ra thông tin yêu cầu.

Thêm vào đó là tiết kiệm được sức lao động mà hiệu quả công việc vẫn cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản cũng thuận lợi và an toàn hơn.

Ý kiến 2: Về sổ sách kế toán

Hiện nay kế toán công ty sử dụng mẫu sổ cái trong hạch toán kế toán chưa thật hợp lý. Ví dụ như sổ cái TK 331-Phải trả người bán, kế toán không cần thêm cột số dư nợ và số dư cuối kỳ mà ta có thể làm như sau.

Biểu 1: Mẫu sổ cái theo quy định của công ty

CHI NHÁNH CÔNG TY CP TMĐT & XD HP - CHDVTM 96 QUANG TRUNG

SỔ CÁI 331: PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN*Tháng 12 Năm 2009*

Ngày vào số	Trang NKC	DIỄN GIẢI	Tài khoản đối ứng	Phát sinh		Số d nợ	Số d có
				Nợ	Có		
1	2	3	4	5	6	7	8
		Số d đầu kỳ					339.677.209
31	10	Trả tiền mua hàng cho công ty Nestle	112ACB	570.000.000		230.322.791	
31	11	Trả tiền mua hàng cho công ty Nestle	112ACB	1.145.000.000		1.375.322.791	
31	12	Trả tiền mua hàng cho công ty Nestle	112ACB	920.000.000		2.295.322.791	
31	13	Trả tiền mua hàng cho công ty Nestle	112ACB	558.000.000		2.853.322.791	
31	14	Trả tiền mua hàng cho công ty Nestle	112ACB	275.000.000		3.128.322.791	
31	16	Mua hàng của công ty Nestle,	156		2.753.887.240	374.435.551	
31	16	Thuế GTGT độc khấu trừ khi mua hàng	133		275.388.724	99.046.827	
31	17	Mua hàng của công ty Nestle,	156		390.391.369		291.344.542
31	17	Công ty Nestle trả nợ tiền các CT	131		39.039.137		330.383.679
31	18	Công ty Nestle trả nợ tiền các CT	131	7.038.178			323.345.501
31	18	Công ty Nestle trả nợ tiền các CT	138	111.541.953			211.803.548
31	18	Công ty Nestle trả nợ tiền các CT	131	16.340.741			195.462.807
31	18	Công ty Nestle trả nợ tiền các CT	138	37.561.636			157.901.171
		Số d cuối kỳ					157.901.171
		Cộng trang		3.640.482.508	3.458.706.470	10.356.096.333	2.323.621.970

(Nguồn: Số liệu phòng kế toán Chi nhánh Công ty CPTMĐT & XDHP)

Biểu 2: Mẫu sổ của công ty sau khi đã sửa lại.

CHI NHÁNH CÔNG TY CPTMĐT & XD HP - CH DVTM 96 QUANG TRUNG

SỔ CÁI 156: HÀNG HOÁ

Tháng 12 Năm 2009

<i>Ngày vào sổ</i>	<i>Trang NKC</i>	<i>DIỄN GIẢI</i>	<i>Tài khoản đối ứng</i>	<i>Phát sinh</i>	
				<i>Nợ</i>	<i>Có</i>
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
		Số d- đầu kỳ			339.677.209
31	10	Trả tiền mua hàng cho công ty Nestle	112ACB	570.000.000	
31	11	Trả tiền mua hàng cho công ty Nestle	112ACB	1.145.000.000	
31	12	Trả tiền mua hàng cho công ty Nestle	112ACB	920.000.000	
31	13	Trả tiền mua hàng cho công ty Nestle	112ACB	558.000.000	
31	14	Trả tiền mua hàng cho công ty Nestle	112ACB	275.000.000	
31	16	Mua hàng của công ty Nestle,	156		2.753.887.240
31	16	Thuế GTGT được khấu trừ	133		275.388.724
31	17	Mua hàng của công ty Nestle,	156		390.391.369
31	17	Công ty Nestle trả nợ tiền các CT	131		39.039.137
31	18	Công ty Nestle trả nợ tiền các CT	131	7.038.178	
31	18	Công ty Nestle trả nợ tiền các CT	138	111.541.953	
31	18	Công ty Nestle trả nợ tiền các CT	131	16.340.741	
31	18	Công ty Nestle trả nợ tiền các CT	138	37.561.636	
		Cộng số phát sinh		3.640.482.508	3.458.706.470
		Số d- cuối kỳ			157.901.171

Ngoài ra kế toán công ty nên theo dõi thêm sổ nhật ký đặc biệt về nhật ký bán hàng, do các nghiệp vụ bán hàng trong kỳ được lặp đi lặp lại nhiều lần và khi phản ánh vào Sổ cái thì kế toán lại cộng dồn những nghiệp vụ giống nhau trên cùng một trang nhật ký chung để ghi vào sổ cái một lần. Như vậy vừa có thể giảm bớt được khối lượng và tránh nhầm lẫn.

Nội dung: Sổ nhật ký đặc biệt dùng để ghi chép các nghiệp vụ bán hàng của doanh nghiệp như: bán hàng hóa, bán dịch vụ, theo hình thức thu tiền sau. Trường hợp người mua trả tiền trước thì khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng cũng ghi vào sổ này.

Kết cấu và cách ghi sổ:

Cột A: Ghi ngày, tháng ghi sổ

Cột B, C: Ghi số hiệu và ngày, tháng lập của chứng từ dùng làm căn cứ ghi sổ.

Cột D: Ghi tóm tắt nội dung nghiệp vụ phát sinh của chứng từ kế toán

Cột 1: Ghi số tiền phải thu từ người mua theo doanh thu bán hàng

Cột 2, 3, 4: Mở theo yêu cầu của doanh nghiệp để ghi doanh thu theo từng loại nghiệp vụ: Bán hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ,... Trường hợp không cần thiết, doanh nghiệp có thể gộp 3 cột này thành một cột để ghi doanh thu bán hàng chung.

Cuối trang sổ, cộng lũy kế để chuyển sang trang sau. Đầu trang sổ, ghi số cộng trang trước chuyển sang.

Biểu 3: Mẫu Sổ nhật ký bán hàng theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số S03a4-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG

Năm

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Phải thu từ người mua (ghi Nợ)	Ghi có tài khoản doanh thu		
	Số hiệu	Ngày tháng			Hàng hóa	Thành phẩm	Dịch vụ
A	B	C	D	1	2	3	4
			Số trang trước chuyển sang				
			Cộng chuyển sang trang sau				

- Sổ này có ... Trang, đánh số từ trang 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày....tháng....năm....
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán ghi sổ nhật ký bán hàng như sau:

Biểu 4: Sổ nhật ký bán hàng trong công ty

Chi nhánh công ty Cổ Phần TMDT & XD HP - 96 Quang Trung

SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG

Tháng 12 năm 2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Phải thu từ người mua (ghi Nợ)	Ghi có tài khoản doanh thu	
	Số hiệu	Ngày tháng			Hàng hóa	Dịch vụ
A	B	C	D	1	2	4
	15t	7	Nhân viên Dũng nộp tiền bán hàng	89,000,000	80,909,091	
	17t	8	Nhân viên Thắng nộp tiền bán hàng	65,099,485	59,181,354	
	19t	9	Nhân viên Dũng nộp tiền bán hàng	97,000,000	88,181,818	
	...	...				
	22t	10	Nhân viên Dũng nộp tiền bán hàng	98,000,000	89,090,909	
	23t	11	Nhân viên Dũng nộp tiền bán hàng	41,310,000	37,554,546	
	...	...				
			Cộng chuyển sang trang sau	869,409,489	790,372,266	

Sổ này có ... Trang, đánh số từ trang 01 đến trang

Ngày mở sổ: 7/12/2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHI NHÁNH CÔNG TY CP TMĐT & XD HP - 96 QUANG TRUNG

SỔ CÁI 5111:DOANH THU BÁN HÀNG

Tháng 12 Năm 2009

Ngày vào sổ	Trang NKC	DIỄN GIẢI	Tài khoản đối ứng	Phát sinh	
				Nợ	Có
1	2	3	4	5	6
11	3	Thu tiền bán hàng	111		790.372.266
14	4	Thu tiền bán hàng	111		379.628.161
15	5	Thu tiền bán hàng	111		582.098.619
26	6	Thu tiền bán hàng	111		398.639.729
28	7	Thu tiền bán hàng	111		97.295.916
31	11	Thu tiền bán hàng	112ACB		213.754.596
31	12	Thu tiền bán hàng	112ACB		7.228.495
31	14	Thu tiền bán hàng	112ACB		53.446.455
31	14	Nhân viên tiếp thị nợ tiền mua hàng	131		410.460.847
31	15	Nhân viên tiếp thị nợ tiền mua hàng	131		243.234.739
31	15	Thu tiền bán hàng	111		96.304.525
31	18	Công ty TNHH Nestle VN nợ tiền hàng	131		178.843.940
31	18	Công ty TNHH Nestle VN nợ tiền hàng	138		21.570.000
31	19	Kết chuyển doanh số bán hàng	911	3.472.878.288	
		<i>Cộng trang</i>		3.472.878.288	3.472.878.288

(Nguồn: Trích số liệu phòng kế toán Chi nhánh công ty CPTM & ĐTXDHP - 96 Quang Trung)

Ý kiến 3: Về hạch toán Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

Hiện nay kế toán công ty sử dụng tài khoản 641 – chi phí bán hàng để phản ánh chung chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh, không hạch toán riêng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Khi hạch toán tiền thuế đất, chi phí mua hóa đơn, giấy A4 hay lương nhân viên quản lý doanh nghiệp kế toán phản ánh như sau:

Nợ TK 641:

Nợ TK 133 (nếu có):

Có TK 111, 337, 334:

Theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006, kế toán ghi:

Nợ TK 642:

Nợ TK 133 (nếu có):

Có TK 111, 334:

Như vậy doanh nghiệp đã hạch toán sai với quy tắc. Mặc dù cùng là chi phí và đến cuối kỳ đều được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh, nên không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh nhưng nó ảnh hưởng đến việc xác định từng khoản chi phí, và khó kiểm soát các khoản chi phí phát sinh trong kỳ.

Ví Dụ:

Trong tháng 12, tiền thuế đất là 1.793.000 đồng, theo quy định kế toán phản ánh là:

Nợ TK 642: 1.793.000

Có TK 3337: 1.793.00

Ý kiến 4: Về hạch toán Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác

Trong tháng 12 phát sinh nghiệp vụ công ty được hưởng tiền thưởng điện thoại tháng 11, khi hạch toán nghiệp vụ này kế toán ghi:

Nợ TK 111: 288.116

Có TK 515: 288.166

Định khoản trên không đúng theo chế độ kế toán quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC, đó là định khoản theo quy định hạch toán kế toán của công ty.

Ảnh hưởng: Với định khoản như vậy, đến cuối kỳ khi kết chuyển các bút toán kết chuyển sẽ ảnh hưởng tới việc xác định kết quả kinh doanh của từng loại hoạt động và làm cho người tìm hiểu về công ty dễ hiểu lầm.

Theo quy định kế toán phản ánh vào thu nhập khác, định khoản như sau:

Nợ TK 111: 288.116

Có TK 811: 288.116

KẾT LUẬN

Qua quá trình thực tập tại Chi nhánh công ty Cổ Phần Thương Mại Đầu Tư & Xây Dựng Hải Phòng, với sự mở lòng đón nhận của các CBCNV nơi đây, nhờ sự chỉ bảo tận tình trách nhiệm của cô giáo hướng dẫn trực tiếp Cô Trần Thị Thanh Thảo cùng với mong muốn được đem nhiều kiến thức đã được thầy cô truyền đạt ở trường áp dụng vào thực tế cụ thể. Em đã hoàn thành xong bài Khóa luận tốt nghiệp với đề tài “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty Cổ Phần Thương Mại Đầu Tư & Xây Dựng Hải Phòng”.

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu lí luận với thực tiễn. Em thấy công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tiễn và là một công cụ quan trọng trong quá trình quản lý Doanh nghiệp.

Dù với mong muốn tìm hiểu thực tế nhưng do thời gian thực tập không nhiều, sự hạn chế về năng lực, trình độ kiến thức, nhận thức nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Em rất mong nhận được sự giúp đỡ của các Thầy (Cô) giáo trong khoa Quản Trị Kinh Doanh, nhất là sự nhận xét của Cô giáo - Thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo để bài viết của em được hoàn chỉnh.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng năm 2010

Sinh viên

Nguyễn Thị Ánh Ngọc

Tài liệu tham khảo

1. Kế toán tài chính – Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp - Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC
Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán
Quyển 2: Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán
3. Hệ thống báo cáo sổ sách kế toán của Chi nhánh công ty Cổ Phần TMĐT & Xây Dựng Hải Phòng
4. Chuẩn mực số 14 “Doanh thu và Thu nhập khác” trong hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
5. Tham khảo khóa luận của một số anh chị khóa trên

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG I: NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	3
1.1. Lý luận chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.....	3
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	3
1.1.2. Một số khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh... ..	4
1.1.2.1. Doanh thu	4
1.1.2.2. Các khoản giảm trừ doanh thu	4
1.1.2.3. Chi phí	5
1.1.2.4. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	6
1.1.3. Thời điểm ghi nhận, nguyên tắc hạch toán doanh thu.....	6
1.1.3.1. Thời điểm, điều kiện ghi nhận doanh thu:	6
1.1.3.2. Một số nguyên tắc hạch toán Doanh thu trong DN Thương Mại:	7
1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định K/quả kinh doanh: 9	
1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	10
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:.....	10
1.2.1.1. Một số phương thức bán hàng :	10
1.2.1.2. Chứng từ kế toán sử dụng:	10
1.2.1.3. Tài khoản sử dụng:.....	11
1.2.1.4. Trình tự hạch toán:.....	12
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	14
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng:.....	14
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng:.....	14
1.2.2.3. Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.	16
1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán	17

1.2.3.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán:	17
1.2.3.2. Chứng từ sử dụng:.....	19
1.2.3.3. Tài khoản sử dụng :.....	19
1.2.3.4. Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán:	20
1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng:.....	21
1.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng:	21
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng:.....	21
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng.....	23
1.2.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	24
1.2.5.1. Chứng từ kế toán sử dụng:	24
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng:.....	24
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp	25
1.2.6. Kế toán hoạt động tài chính.....	27
1.2.6.1. Doanh thu tài chính:	27
1.2.6.2. Chi phí tài chính:	28
1.2.8. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:	32
1.3. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức sổ kế toán.....	33
1.3.1. Hình thức Nhật ký – Sổ cái:	34
1.3.2. Hình thức Nhật ký chung:	35
1.3.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ:.....	36
1.3.4. Hình thức Nhật ký – Chứng từ:.....	37
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính:.....	38
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG HẢI PHÒNG – 96 QUANG TRUNG	39
2.1. Khái quát chung về Chi nhánh công ty Cổ Phần Thương Mại Đầu Tư & Xây Dựng Hải Phòng.....	39
2.1.1. Đặc điểm chung:.....	39
2.1.1.1. Quá trình hình thành và phát triển:	39

2.1.1.2. Chức năng, nhiệm vụ:	39
2.1.1.3 Cơ cấu tổ chức quản lý:.....	40
2.1.1.4. Mục tiêu của công ty:	41
2.1.1.5. Đánh giá chung về kết quả sản xuất kinh doanh của Chi nhánh công ty Cổ Phần Thương Mại Đầu Tư & Xây Dựng HP trong 3 năm vừa qua:	42
2.1.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty:.....	44
2.1.2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán:.....	44
2.1.2.2. Tổ chức công tác kế toán:	45
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty Cổ Phần Thương Mại & Đầu Tư và Xây Dựng HP.	47
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	47
2.2.1.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng:.....	47
2.2.1.2. Trình tự hạch toán:	48
2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ:	61
2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán:.....	61
2.2.3.1. Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng:.....	61
2.2.3.2. Trình tự hạch toán:	61
2.2.4. Kế toán Chi phí bán hàng:.....	66
2.2.4.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng:	66
2.2.4.2. Trình tự hạch toán:	66
2.2.5. Kế toán hoạt động tài chính:	72
2.2.5.1. Kế toán Doanh thu hoạt động tài chính.....	72
2.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính:.....	75
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:	77
2.2.6.1. Xác định kết quả bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	78
2.2.6.2. Xác định kết quả hoạt động tài chính	78
2.2.6.3. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh:	79

CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HP – 96 QUANG TRUNG.....	83
3.1. Nhận xét, đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Chi nhánh công ty Cổ Phần Thương Mại & Đầu Tư Xây Dựng HP - 96 Quang Trung.	83
3.1.1. Ưu điểm:.....	83
3.1.2. Một số tồn tại cần hoàn thiện:	84
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ Phần Thương Mại & Đầu Tư Xây Dựng HP – 96 Quang Trung:.....	85
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	85
3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện:	86
3.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:	86
KẾT LUẬN	96
Tài liệu tham khảo.....	97